

Số: 1430/QĐ-LTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thí sinh trúng tuyển cao đẳng chuyên nghiệp hệ chính quy năm 2015
xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (đợt 3)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường cao đẳng”;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDĐT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2015 của Trường;

Căn cứ số lượng thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển nhập học năm học 2015 – 2016;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo – Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quyết định thí sinh trúng tuyển nhập học cao đẳng chuyên nghiệp, hệ chính quy năm 2015, xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT (đợt 3) gồm: 1806 thí sinh (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các thí sinh trúng tuyển được nhập học bậc cao đẳng chuyên nghiệp, hệ chính quy của nhà trường kể từ năm học 2015 - 2016, theo đúng quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các thí sinh viên có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD-ĐT;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Hữu Lộc



**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG
CHUYÊN NGHIỆP NĂM 2015
XÉT TUYỂN DỰA VÀO KẾT QUẢ HỌC TẬP THPT (ĐỢT 3)**

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đổi tượng	ĐTB CN
1	15,03004	Harunasê	Nam	18/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,7
2	15,03859	Nguyễn Thị Duyên An	Nữ	14/09/1997	C540204	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		6,2
3	15,0299	Nguyễn Kim An	Nam	10/07/1996	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12			5,6
4	15,03593	Nguyễn Thái An	Nam	25/02/1995	C510201	Vĩnh Long	Huyện Vũng Liêm	2NT		6,1
5	15,03554	Nguyễn Thái An	Nam	25/02/1995	C510201	Vĩnh Long	Huyện Vũng Liêm	2NT		6,1
6	15,04516	Nguyễn Cao Thế An	Nam	06/11/1996	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		6,2
7	15,04293	Nguyễn Hoàng An	Nam	01/11/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		6,3
8	15,04462	Nguyễn Hữu An	Nam	19/02/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,5
9	15,04345	Hoàng Xuân An	Nam	09/09/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	3		6,6
10	15,02896	Lê Ngọc An	Nam	25/04/1997	C480201	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa	2NT		6,8
11	15,04337	Nguyễn Minh An	Nam	09/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		7,0
12	15,03089	Đỗ Lê Hoài An	Nam	03/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,4
13	15,03465	Nguyễn Duy Ân	Nam	11/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú			6,0
14	15,0362	Nguyễn Quang Ân	Nam	08/09/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	3		6,2
15	15,03469	Lương Hồng Thiên Ân	Nam	20/03/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	1		6,5
16	15,04658	Đỗ Hoàng Thiên Ân	Nam	06/09/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,5
17	15,04268	Châu Bảo Ân	Nam	16/08/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	1		7,1
18	15,02544	Hoàng Thiên Ân	Nam	18/03/1997	C510205	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà			7,3
19	15,03053	Trương Ngọc Ân	Nam	28/07/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		6,7
20	15,04592	Dương Thị Hải Anh	Nữ	03/12/1996	C540204	Hà Nam	Huyện Lý Nhân	2		6,4
21	15,04547	Phạm Thị Anh	Nữ	12/03/1997	C540204	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2		6,8
22	15,03812	Trần Đặng Quỳnh Anh	Nữ	12/05/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		7,0
23	15,04234	Võ Trần Huệ Anh	Nữ	11/03/1997	C540204	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh	2		7,6
24	15,03796	Đinh Huỳnh Tuấn Anh	Nam	15/02/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		5,7
25	15,04069	Dư Tuấn Anh	Nam	29/02/1996	C480201	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	1		5,7
26	15,04515	Huỳnh Bảo Anh	Nam	18/04/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		5,7
27	15,03712	Hồ Xuân Anh	Nam	20/02/1997	C480201	Gia Lai	Huyện Chư Păh	1		5,8
28	15,03151	Trịnh Hoàng Tú Anh	Nam	14/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		5,9
29	15,03026	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	23/08/1996	C510205	Long An	Huyện Tân Trụ	2NT		6,0
30	15,03869	Trần Anh	Nam	10/06/1996	C510205	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,0
31	15,04445	Hà Tuấn Anh	Nam	28/09/1997	C510201	Gia Lai	Huyện Chư Pưh	1		6,0
32	15,0103	Nông Trung Anh	Nam	17/02/1994	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		6,1
33	15,0345	Võ Lê Quốc Anh	Nam	19/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,3
34	15,04166	Trần Kim Anh	Nam	02/06/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Đất Đỏ	2NT		6,4
35	15,03552	Nguyễn Thế Anh	Nam	10/11/1996	C510301	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	2NT		6,5
36	15,04119	Đoàn Ngọc Anh	Nam	07/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		6,5
37	15,03517	Nguyễn Ngọc Quang Anh	Nam	15/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,6
38	15,03541	Phan Ngọc Tuấn Anh	Nam	02/06/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Long Thành	2NT		6,6
39	15,03121	Nguyễn Tiến Anh	Nam	29/08/1996	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	1		6,7
40	15,03381	Nguyễn Đức Anh	Nam	03/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,7
41	15,04204	Nguyễn Đức Anh	Nam	07/11/1997	C480201	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	2NT		6,8
42	15,04152	Lê Tuấn Anh	Nam	03/03/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,8
43	15,03584	Vũ Tuấn Anh	Nam	21/01/1997	C510201	Cần Thơ	Huyện Vĩnh Thạnh	2	2	6,9
44	15,04101	Đặng Hoàng Anh	Nam	05/11/1997	C510205	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		7,0
45	15,04341	Võ Ngọc Anh	Nam	09/08/1997	C480201	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		7,0
46	15,01537	Lương Tùng Anh	Nam	06/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		7,2
47	15,0352	Phạm Trịnh Tuấn Anh	Nam	08/11/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		7,2

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
48	15,0458	Ngô Thế Anh	Nam	18/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3			7,3
49	15,01799	Đỗ Hoàng Anh	Nam	02/10/1997	C510206	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	2NT			7,4
50	15,0469	Võ Xuân Anh	Nam	09/09/1997	C480201	Bình Dương	Th. phố Thủ Dầu Một	2			8,1
51	15,03661	Phan Duy Hải Âu	Nam	03/06/1996	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2			6,5
52	15,04573	Trần Văn Bắc	Nam	22/12/1997	C510201	Quảng Bình	Thị xã Ba Đồn	2			6,1
53	15,03943	Nguyễn Hữu Bắc	Nam	30/10/1997	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1			6,4
54	15,03139	Nguyễn Văn Bách	Nam	01/03/1997	C510201	Quảng Nam	Huyện Nông Sơn	1			6,2
55	15,02689	Huỳnh Nhất Tâm	Nam	10/04/1996	C480201	Vĩnh Long	Huyện Vũng Liêm				5,9
56	15,01288	Lưu Trọng Bằng	Nam	10/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2			6,2
57	15,0435	Trần Thanh Bằng	Nam	25/10/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1			6,3
58	15,0288	Lê Trọng Bằng	Nam	01/01/1997	C480201	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT			6,6
59	15,03408	Nguyễn Văn Bằng	Nam	27/01/1997	C510301	Hà Tĩnh	Huyện Cẩm Xuyên	1			6,9
60	15,02575	Lê Quang Bảo	Nam	09/12/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2			5,7
61	15,03389	Lý Xương Thiện Bảo	Nam	26/10/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3			6,0
62	15,04023	Nguyễn Hữu Hoài Bảo	Nam	01/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3			6,1
63	15,04053	Đoàn Duy Bảo	Nam	26/02/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	1			6,1
64	15,03524	Nguyễn Hoài Bảo	Nam	31/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2			6,2
65	15,02898	Nhân Quang Bảo	Nam	10/08/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	2NT			6,3
66	15,04289	Từ Thái Bảo	Nam	10/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3			6,3
67	15,02057	Dương Gia Bảo	Nam	21/08/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3			6,4
68	15,04291	Đỗ Trần Hoàng Bảo	Nam	17/10/1997	C510301	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1			6,4
69	15,04352	Phạm Chí Bảo	Nam	13/05/1997	C510301	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	2			6,5
70	15,02746	Đỗ Duy Bảo	Nam	05/01/1996	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT			6,6
71	15,043	Phan Tấn Chí Bảo	Nam	06/04/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2			6,6
72	15,04122	Bùi Gia Bảo	Nam	11/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3			6,7
73	15,02735	Nguyễn Quốc Bảo	Nam	20/01/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Châu Thành	2			6,9
74	15,04537	Trần Thái Bảo	Nam	09/02/1996	C510201	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	2NT			7,1
75	15,03978	Nguyễn Cao Vũ Bảo	Nam	19/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3			7,2
76	15,01855	Đặng Tấn Bảo	Nam	01/01/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT			7,2
77	15,0461	Nguyễn Hoàng Thế Bảo	Nam	29/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3			7,3
78	15,04508	Trần Gia Bảo	Nam	29/10/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3			7,4
79	15,04237	Dương Gia Bảo	Nam	20/09/1997	C510201	Long An	Huyện Bến Lức	2NT			7,5
80	15,03747	Hồ Hoàng Bảo	Nam	07/10/1993	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè	3			7,8
81	15,03377	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	04/01/1997	C540204	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT			6,6
82	15,03406	Bùi Lê Tá Bình	Nam	16/07/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT			6,3
83	15,03988	Trần Ngọc Bình	Nam	02/07/1997	C510301	Thừa Thiên -Huế	Thành phố Huế	1			7,2
84	15,04471	Ngô Văn Bính	Nam	06/03/1997	C510301	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	2			6,1
85	15,03235	Lê Đình Bình	Nam	31/05/1996	C510205	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	1			5,6
86	15,02868	Phạm Quốc Bình	Nam	15/07/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT			5,8
87	15,04426	Lộ Văn Bình	Nam	30/09/1997	C510301	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	1			5,9
88	15,03351	Bùi Hữu Bình	Nam	20/02/1997	C510201	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2NT			6,2
89	15,0456	Võ Nguyên Bình	Nam	14/08/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3			6,2
90	15,04167	Lê Đồng Thanh Bình	Nam	18/11/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT			6,3
91	15,04288	Lê Trọng Bình	Nam	06/10/1997	C510201	Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	1			6,4
92	15,02951	Lê Văn Bình	Nam	06/10/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1			6,5
93	15,03138	Trần Công Bình	Nam	12/02/1994	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3			6,5
94	15,03425	Đào Thanh Bình	Nam	21/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3			6,5
95	15,02629	Ngô Gia Quốc Bình	Nam	05/09/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Định Quán				7,0
96	15,0254	Vũ Phạm Thái Bình	Nam	02/02/1996	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1			7,0
97	15,03352	Trần Văn Bình	Nam	05/02/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	2NT			7,0
98	15,0384	Nguyễn Thanh Bình	Nam	02/09/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	1			7,0
99	15,04394	Nguyễn Duy Bình	Nam	24/04/1997	C510201	Bình Phước	Thị xã Bình Long	1			7,1
100	15,02858	Vũ Thái Bình	Nam	06/08/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu			1	7,4
101	15,0361	Nguyễn Thanh Bình	Nam	17/02/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2			7,8

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
102	15,03395	Huỳnh Quốc	Bửu	Nam	11/09/1995	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	2		6,3
103	15,02805	Châu Ngọc	Ca	Nam	25/01/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	2NT		6,4
104	15,01877	Nguyễn Đăng	Cảm	Nam	26/07/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,6
105	15,02761	Đặng Minh	Cang	Nam	20/11/1997	C510205	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,5
106	15,04665	Nguyễn Tuấn	Cảnh	Nam	01/07/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	2NT		6,3
107	15,02964	Hoàng Đỗ Đình	Cảnh	Nam	19/08/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất			6,5
108	15,0367	Nguyễn	Cảnh	Nam	25/04/1997	C510205	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phú Vang	2NT		6,5
109	15,04061	Lê Hữu	Cảnh	Nam	17/07/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,5
110	15,03692	Trần Minh	Cảnh	Nam	06/10/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2		6,8
111	15,04106	Đoàn Trung	Cấp	Nam	28/02/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	2		6,9
112	15,02545	Đặng Huyền	Chăm	Nam	02/09/1997	C540204	Bạc Liêu	Huyện Đông Hải	2		6,9
113	15,03989	Đặng Ngọc	Chánh	Nam	01/01/1997	C510301	An Giang	Huyện Tri Tôn	1		6,0
114	15,02995	Phạm Cao	Chánh	Nam	20/02/1995	C510301	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		7,2
115	15,04142	Lê Minh	Chắt	Nam	01/01/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Gò Công Đông	2NT		6,7
116	15,03848	Nguyễn Minh	Châu	Nam	02/03/1997	C510201	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	2		6,2
117	15,01428	Phạm Ngọc	Châu	Nam	02/07/1997	C510201	Thanh Hoá	Huyện Hà Trung	2		7,0
118	15,0309	Trần Thị Mỹ	Chi	Nữ	26/05/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn			6,0
119	15,03571	Lê Thị Kim	Chi	Nữ	11/01/1996	C540204	An Giang	Huyện Tịnh Biên	2		6,7
120	15,04532	Phạm Văn	Chi	Nam	08/08/1996	C510201	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		6,1
121	15,04301	Huỳnh Bửu	Chí	Nam	02/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,3
122	15,0366	Vương Nhân	Chí	Nam	27/11/1995	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,6
123	15,04088	Lê Thiện	Chí	Nam	04/10/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	1		6,6
124	15,03076	Trần Đức	Chiến	Nam	17/06/1995	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		5,5
125	15,01643	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	04/08/1996	C480201	Đắk Lắk	Huyện Cư Mgar	1		6,1
126	15,02647	Trần Minh	Chiến	Nam	17/03/1997	C510205	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	2NT		6,4
127	15,03609	Nguyễn Minh	Chiến	Nam	17/01/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,6
128	15,03707	Hoàng Văn	Chính	Nam	20/04/1997	C510301	Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	1		6,4
129	15,0398	Trần Thị	Chung	Nữ	03/03/1996	C540204	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong			6,8
130	15,02537	Phan Đình	Chung	Nam	03/03/1995	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 9	3		5,9
131	15,03387	Lê Thành	Chung	Nam	22/06/1997	C510205	Gia Lai	Thị xã An Khê	1		7,2
132	15,02611	Trương Ngọc	Chung	Nam	16/11/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		7,5
133	15,03374	Nguyễn Giảng Bảo	Chung	Nam	03/09/1997	C510201	Vĩnh Long	Huyện Tam Bình	2NT		7,7
134	15,04296	Nguyễn Hà Duy	Chương	Nam	10/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,5
135	15,04128	Vũ Thành	Chương	Nam	25/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 5	3		7,7
136	15,03016	Nguyễn	Công	Nam	28/06/1997	C510205	Gia Lai	Huyện Chư Prông	1		5,6
137	15,03882	Nguyễn Tuấn	Công	Nam	06/06/1997	C510301	Quảng Nam	Huyện Quế Sơn			5,9
138	15,03526	Hồ Văn	Công	Nam	28/05/1997	C510301	Đắk Lắk	Huyện Ea H Leo	1		5,9
139	15,03283	Nguyễn Văn	Công	Nam	30/09/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Lắk	1		6,5
140	15,03551	Nguyễn Chí	Công	Nam	22/10/1997	C510301	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	2		7,0
141	15,03994	Nguyễn Đình	Công	Nam	01/02/1996	C510301	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	2		7,3
142	15,03797	Lục Phú	Cưng	Nam	20/11/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2		6,0
143	15,01317	Phạm Thị Kim	Cương	Nữ	17/10/1997	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,2
144	15,03931	Nguyễn Đình Kim	Cương	Nam	14/02/1995	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		5,7
145	15,0382	Huỳnh Kim	Cương	Nam	16/10/1995	C510201	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	2NT		6,5
146	15,0429	Phạm Văn	Cương	Nam	13/01/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,9
147	15,03601	Lê Huy	Cường	Nam	12/09/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		5,5
148	15,04346	Lê Hà Quốc	Cường	Nam	29/03/1996	C510301	Long An	Thành phố Tân An	3		5,9
149	15,03079	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	23/01/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	1		6,0
150	15,0266	Bùi Quốc	Cường	Nam	19/10/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,1
151	15,03992	Dương Quốc	Cường	Nam	12/02/1997	C510201	Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	2NT		6,1
152	15,04619	Bùi Phạm Hữu	Cường	Nam	14/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,1
153	15,00827	Nguyễn Trí	Cường	Nam	27/03/1996	C510201	Đồng Tháp	Thị Xã Hồng Ngự	2		6,1
154	15,03719	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	11/02/1996	C510201	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	1		6,2
155	15,03837	Cao Quốc	Cường	Nam	02/12/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		6,2

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
156	15,03645	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	13/09/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	1			6,4
157	15,04239	Huỳnh Thanh Cường	Nam	05/08/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	3			6,4
158	15,00993	Đỗ Mạnh Cường	Nam	27/09/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Tân Phú	1			6,4
159	15,02803	Trần Quốc Cường	Nam	26/06/1997	C510206	Hà Tĩnh	Huyện Lộc Hà	1	1		6,5
160	15,03644	Đặng Quốc Cường	Nam	20/07/1997	C480201	Tiền Giang	Huyện Cai Lậy	2NT			6,5
161	15,02933	Phạm Minh Cường	Nam	14/01/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3			6,6
162	15,0327	Trương Quốc Cường	Nam	02/02/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa	2NT			6,6
163	15,03668	Nguyễn Chí Cường	Nam	24/12/1997	C510201	Khánh Hoà	Huyện Cam Lâm	1			6,7
164	15,04402	Phạm Quốc Cường	Nam	22/08/1997	C510201	Thái Bình	Huyện Tiền Hải	2NT			6,7
165	15,03178	Nguyễn Mạnh Cường	Nam	19/07/1997	C510205	Long An	Huyện Cần Đước	2NT			7,0
166	15,04036	Tăng Quốc Cường	Nam	10/05/1995	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3			7,1
167	15,04073	Nguyễn Quốc Cường	Nam	15/09/1997	C480201	Khánh Hoà	Thành phố Cam Ranh	1			7,1
168	15,03055	Sử Chấn Cường	Nam	20/01/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc	2NT			7,2
169	15,01278	Phạm Tuấn Cường	Nam	16/10/1997	C510301	Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	2NT			7,4
170	15,04631	Hồ Quang Cường	Nam	03/10/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1			7,4
171	15,0409	Phan Quốc Cường	Nam	16/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3			7,6
172	15,04309	La Quốc Cường	Nam	06/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1	3			7,7
173	15,04322	Trần Trọng Đại	Nam	07/12/1994	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3			5,8
174	15,03899	Trần Đại	Nam	01/10/1997	C510206	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1			6,2
175	15,03811	Trần Thế Dân	Nam	25/10/1996	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2			6,1
176	15,03566	Nguyễn Ngọc Linh Đan	Nữ	29/09/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Thạnh Phú	2NT			6,9
177	15,02525	Lê Long Đăng	Nam	29/11/1997	C510301	Đắk Nông	Huyện Đắk Song	1	1		6,6
178	15,04651	Nguyễn Hữu Minh Đăng	Nam	15/04/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3			6,8
179	15,02939	Nguyễn Tuyền Đăng	Nam	12/12/1997	C510205	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	2NT			7,1
180	15,03123	Nguyễn Hải Đăng	Nam	19/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3			7,2
181	15,04642	Nguyễn Hữu Đăng	Nam	09/02/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	2			7,7
182	15,03689	Nguyễn Đạt Thành Danh	Nam	16/11/1997	C480201	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	1			5,8
183	15,02887	Huỳnh Văn Danh	Nam	21/07/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi				6,0
184	15,01337	Ngô Thành Danh	Nam	31/08/1997	C510205	Đồng Nai	Thị xã Long Khánh	1			6,0
185	15,02577	Phan Minh Danh	Nam	12/11/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 9	3			6,2
186	15,02889	Huỳnh Quốc Danh	Nam	14/12/1996	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2			6,2
187	15,0285	Trương Công Danh	Nam	09/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3			6,9
188	15,04037	Nguyễn Hữu Thành Danh	Nam	10/12/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	3			7,1
189	15,03787	Nguyễn Văn Dao	Nam	08/08/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	1			6,4
190	15,02593	Lê Công Đạo	Nam	12/02/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1			6,5
191	15,02021	Trần Tiến Đạt	Nam	01/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giuộc				5,9
192	15,04255	Nguyễn Đức Đạt	Nam	09/04/1995	C480201	Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	2			5,9
193	15,03104	Vòng Trung Đạt	Nam	25/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3			6,1
194	15,03499	Nguyễn Thành Đạt	Nam	10/10/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	2NT			6,1
195	15,04209	Nguyễn Hữu Đạt	Nam	29/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3			6,1
196	15,04405	Nguyễn Thành Đạt	Nam	02/08/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	2NT			6,2
197	15,0268	Nguyễn Thành Đạt	Nam	14/04/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT			6,3
198	15,03278	Võ Tuấn Đạt	Nam	16/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3			6,3
199	15,03568	Đoàn Tiến Đạt	Nam	19/06/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2			6,3
200	15,02795	Lê Tấn Đạt	Nam	29/05/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Bà Rịa	2			6,3
201	15,03383	Bùi Phạm Gia Đạt	Nam	12/03/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Tân Phú	1			6,4
202	15,03135	Lê Duy Đạt	Nam	29/10/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	2NT			6,5
203	15,03071	Vũ Tấn Đạt	Nam	15/09/1997	C510201	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	2			6,5
204	15,03305	Nguyễn Bá Đạt	Nam	22/09/1997	C510205	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1		6,5
205	15,04062	Đỗ Thành Đạt	Nam	15/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2			6,5
206	15,04422	Lưu Quốc Đạt	Nam	09/10/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3			6,5
207	15,0274	Lưu Khải Đạt	Nam	20/11/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập				6,6
208	15,03444	Lê Trọng Đạt	Nam	21/04/1997	C510301	Khánh Hoà	Thị xã Ninh Hoà				6,6
209	15,02635	Vũ Quốc Đạt	Nam	03/03/1997	C510205	Nam Định	Huyện Nam Trực	2			6,7

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
210	15,03112	Nguyễn Văn	Đạt	Nam	30/05/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,8
211	15,03907	Trần Quốc	Đạt	Nam	25/08/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,8
212	15,01131	Võ Quốc	Đạt	Nam	03/07/1997	C510205	Đồng Tháp	Huyện Lai Vung	2		6,9
213	15,03685	Võ Trường	Đạt	Nam	30/08/1997	C510205	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	2NT		7,1
214	15,04353	Trần Châu	Đạt	Nam	20/05/1997	C510201	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	3		7,1
215	15,03203	Phạm Tấn	Đạt	Nam	09/01/1997	C510301	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	2		7,2
216	15,0419	Cao Quân	Đạt	Nam	28/10/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,2
217	15,04211	Phạm Tấn	Đạt	Nam	09/01/1997	C510301	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	1		7,2
218	15,03966	Nguyễn Thành	Đạt	Nam	26/06/1996	C510201	Đắk Lắk	Huyện Ea H Leo			7,3
219	15,0326	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	07/12/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12			7,4
220	15,04108	Trần Tiến	Đạt	Nam	08/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		7,7
221	15,03997	Huỳnh Phát	Đạt	Nam	30/04/1997	C510201	Đồng Tháp	Huyện Lai Vung	2NT	2	7,8
222	15,0465	Nguyễn Tiến	Đạt	Nam	23/05/1997	C510301	Tiền Giang	Huyện Cái bè	2NT		8,0
223	15,04487	Phạm Văn	Đầu	Nam	10/07/1996	C510201	Ninh Bình	Huyện Kim Sơn	2NT		6,4
224	15,04659	Phạm Minh	Đầy	Nam	16/10/1996	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,3
225	15,03008	Lương Lâm Thế	Dĩ	Nam	03/07/1996	C510205	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		6,2
226	15,03096	Trần Thị	Diễm	Nữ	19/01/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tây Sơn	2NT		6,6
227	15,03237	Đỗ Thị Thúy	Diễm	Nữ	15/05/1997	C540204	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	3		7,3
228	15,03912	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	Nữ	11/05/1997	C510301	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	1		7,1
229	15,03749	Trần Anh	Diện	Nam	01/06/1996	C510301	Bình Định	Huyện Tây Sơn			6,7
230	15,02837	Nguyễn Ngọc	Diễn	Nam	02/09/1997	C510206	Bình Định	Thị xã An Nhơn			6,0
231	15,03447	Huỳnh Quang	Diễn	Nam	01/10/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,5
232	15,03154	Nguyễn Văn	Diễn	Nam	14/07/1996	C510205	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		7,3
233	15,04591	Võ Văn	Diệp	Nam	14/12/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,2
234	15,03091	Trần Thị	Diệu	Nữ	21/08/1997	C540204	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	1		6,7
235	15,0307	Lương Xuân	Diệu	Nam	10/10/1996	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		5,9
236	15,04641	Trần Đức	Diệu	Nam	26/06/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,0
237	15,0396	Nguyễn Quốc	Diệu	Nam	26/09/1997	C510301	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		6,2
238	15,04609	Mai	Điều	Nam	02/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,4
239	15,03725	Võ Tá Duy	Đình	Nam	12/08/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		6,7
240	15,04581	Dương Văn	Đình	Nam	22/10/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,8
241	15,03433	Trần Thiên	Định	Nam	17/08/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,9
242	15,0343	Tô Quang	Định	Nam	14/10/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			6,2
243	15,04043	Phan Nhật	Đồ	Nam	01/10/1995	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		6,5
244	15,0184	Phạm Văn	Đoan	Nam	07/02/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1	1	5,8
245	15,03671	Trương Nguyễn Ngọc	Đoan	Nam	15/04/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình			6,5
246	15,02987	Lê Đức	Doanh	Nam	22/04/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức			6,1
247	15,03486	Nguyễn Đình	Doanh	Nam	25/12/1996	C510301	Lạng Sơn		2		6,3
248	15,02149	Đào Duy	Đơn	Nam	25/12/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT	2	6,3
249	15,03013	Mai Hải	Đông	Nam	10/11/1997	C480201	Long An	Huyện Tân Trụ	2NT		5,7
250	15,03602	Trần Văn	Đông	Nam	20/11/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,1
251	15,00842	Mai Quốc	Đông	Nam	07/09/1995	C510205	Tây Ninh	Huyện Tân Biên	2NT		6,1
252	15,02793	Đỗ Dương	Đông	Nam	12/09/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ			6,3
253	15,03401	Lê Quý	Đông	Nam	18/03/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,3
254	15,03521	Phạm Văn	Đông	Nam	27/12/1995	C480201	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	1		6,6
255	15,04409	Phạm Văn	Đồng	Nam	21/07/1997	C510301	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	2	4	6,0
256	15,03918	Chu Thành	Đồng	Nam	17/07/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,6
257	15,01726	Bùi Thanh	Dự	Nam	19/12/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		5,9
258	15,02911	Trần Minh	Đức	Nam	25/02/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2		5,6
259	15,04169	Nguyễn Duy	Đức	Nam	26/07/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	2NT		5,6
260	15,03902	Đàm Văn	Đức	Nam	02/07/1996	C510201	Hà Nội	Huyện Đan Phượng	3		5,8
261	15,04463	Lê Phương	Đức	Nam	24/03/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Hòn Đất	2NT		5,9
262	15,03321	Phạm Việt	Đức	Nam	12/06/1997	C510201	Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	2NT		6,2
263	15,03511	Châu Hoàng Minh	Đức	Nam	09/06/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	2NT		6,3

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
264	15,038	Nguyễn Tấn	Đức	Nam	02/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		6,3
265	15,03261	Huỳnh	Đức	Nam	01/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,4
266	15,03975	Nguyễn Hữu	Đức	Nam	21/05/1997	C510201	Hà Tĩnh	Huyện Cẩm Xuyên	2NT		6,4
267	15,04326	Phan Đình	Đức	Nam	19/03/1996	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,4
268	15,00951	Lê Huỳnh	Đức	Nam	29/04/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,5
269	15,04182	Trần Văn	Đức	Nam	10/11/1997	C480201	Thái Bình	Huyện Quỳnh Phụ	2NT		6,9
270	15,02851	Phạm Hữu	Đức	Nam	14/08/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		7,0
271	15,03134	Nguyễn Văn	Đức	Nam	12/09/1996	C510205	Tiền Giang	Huyện Cai Lậy	2NT		7,1
272	15,04256	Nguyễn Trọng	Đức	Nam	22/02/1985	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		7,2
273	15,01085	Lê Huỳnh	Đức	Nam	04/06/1997	C510201	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	2		7,3
274	15,03459	Võ Văn	Đức	Nam	16/07/1997	C510205	Đồng Tháp	Huyện Hồng Ngự	2NT		7,3
275	15,03394	Võ Trịnh Chí	Đức	Nam	24/12/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		7,4
276	15,03595	Phạm Anh	Đức	Nam	05/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		8,0
277	15,03412	Trương Thị Huệ	Dung	Nữ	27/10/1997	C540204	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		6,5
278	15,02835	Bùi Lê Anh	Dũng	Nam	31/03/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	1		5,9
279	15,03794	Trần Văn	Dũng	Nam	26/07/1996	C480201	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		5,9
280	15,02878	Lê Tấn	Dũng	Nam	16/11/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tuy Phước			6,3
281	15,02938	Lê Văn	Dũng	Nam	19/11/1996	C510205	Quảng Trị	Huyện Hải Lăng	2NT		6,3
282	15,03603	Đỗ Quốc	Dũng	Nam	07/09/1995	C480201	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	2		6,3
283	15,04124	Nguyễn Văn	Dũng	Nam	03/04/1997	C510201	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	1		6,3
284	15,04605	Phạm Tiến	Dũng	Nam	20/05/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,3
285	15,03046	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	10/12/1997	C510206	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi			6,5
286	15,01993	Hoàng Anh	Dũng	Nam	06/04/1996	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,6
287	15,02616	Lê Thanh	Dũng	Nam	02/08/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		7,1
288	15,02731	Nguyễn Tiến	Dũng	Nam	05/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			7,3
289	15,0386	Trần Hữu	Dũng	Nam	13/06/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,5
290	15,04418	Đinh Tiến	Dũng	Nam	10/08/1997	C510201	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		7,5
291	15,02976	Nguyễn Duy	Dương	Nam	03/04/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	2NT		5,9
292	15,03015	Nguyễn Thành	Dương	Nam	06/10/1996	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,1
293	15,0348	Lê Thái	Dương	Nam	22/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,1
294	15,02767	Nguyễn Trung	Dương	Nam	12/10/1997	C480201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn			6,2
295	15,03622	Lê Thanh	Dương	Nam	22/06/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Châu Thành	2		6,2
296	15,02905	Lê Đức	Dương	Nam	02/02/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
297	15,03177	Vũ Quốc	Dương	Nam	19/04/1997	C510206	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp			6,3
298	15,02713	Nguyễn Hữu	Dương	Nam	26/05/1996	C480201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất			6,7
299	15,04465	Phan Trường	Dương	Nam	22/05/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	2		6,7
300	15,02994	Nguyễn Quốc	Dương	Nam	20/11/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu			6,8
301	15,03498	Nguyễn Thanh	Dương	Nam	04/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2	2	6,8
302	15,04195	Lê Huy	Dương	Nam	15/02/1997	C510301	Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh	1		7,1
303	15,02531	Lâm Thái	Dương	Nam	26/08/1997	C510205	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		7,3
304	15,02778	Nguyễn Tấn	Dưỡng	Nam	16/05/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	2		5,7
305	15,03419	Văn Hữu	Dưỡng	Nam	17/05/1997	C510205	Gia Lai	Thành phố Pleiku	1		6,1
306	15,03906	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	10/10/1995	C510301	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		5,6
307	15,04071	Ngô Hoàng Đức	Duy	Nam	15/07/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		5,6
308	15,02822	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	18/06/1997	C480201	Hà Nội	Quận Ba Đình	3	2	5,7
309	15,03021	Hoàng Mạnh	Duy	Nam	28/04/1997	C510205	Gia Lai	Thành phố Pleiku	1		5,7
310	15,02816	Trần Quang	Duy	Nam	24/04/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		5,8
311	15,02986	Nguyễn Bá	Duy	Nam	09/10/1997	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc			6,0
312	15,03618	Nguyễn Văn	Duy	Nam	27/06/1996	C510301	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	1		6,0
313	15,04133	Nguyễn Minh	Duy	Nam	31/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,0
314	15,02718	Lê Mậu	Duy	Nam	19/03/1993	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc			6,1
315	15,03007	Phạm Hoàng	Duy	Nam	30/10/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	1		6,3
316	15,02891	Tổng Lâm	Duy	Nam	01/08/1996	C510205	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	1		6,4
317	15,04174	Đàm Mạnh	Duy	Nam	15/10/1996	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		6,4

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
318	15,02688	Lăng Văn	Duy	Nam	14/04/1995	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng			6,5
319	15,03828	Phan Tường	Duy	Nam	30/03/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	2		6,5
320	15,02612	Kim Tín	Duy	Nam	09/11/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,6
321	15,02999	Bùi Nhật	Duy	Nam	07/12/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Tân Phú			6,6
322	15,03426	Lại Văn	Duy	Nam	02/03/1996	C510301	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	1		6,6
323	15,04379	Lại Văn	Duy	Nam	02/03/1996	C510301	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil			6,6
324	15,03244	Trần Văn	Duy	Nam	23/04/1997	C510205	Thanh Hoá	Huyện Yên Định	2NT		6,7
325	15,03191	Trần Thanh	Duy	Nam	28/10/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Châu Thành	2NT		6,7
326	15,03529	Nguyễn Hào	Duy	Nam	30/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		6,7
327	15,04032	Nguyễn Khánh	Duy	Nam	01/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,7
328	15,02979	Đặng Thanh	Duy	Nam	04/06/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Ba Tri	1	2	6,8
329	15,03572	Phạm Quốc	Duy	Nam	05/02/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Cai Lậy	2NT		6,8
330	15,03809	Trần Tuấn	Duy	Nam	15/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,8
331	15,03855	Phạm Quốc	Duy	Nam	1997	C510205	Tiền Giang	Huyện Cai Lậy	2NT		6,8
332	15,04201	Đỗ Đức	Duy	Nam	15/11/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,9
333	15,04329	Nguyễn Ngọc	Duy	Nam	29/05/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,0
334	15,02715	Lê Anh	Duy	Nam	01/04/1997	C510205	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	2NT		7,1
335	15,02265	Trần Quang	Duy	Nam	18/04/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Tân Phú	2NT		7,2
336	15,03407	La Nguyễn Khánh	Duy	Nam	10/03/1996	C480201	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	2		7,2
337	15,03634	Đỗ Phú	Duy	Nam	02/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,2
338	15,0466	Trần Nhật	Duy	Nam	27/02/1996	C510201	Tiền Giang	Huyện Cai Lậy			7,3
339	15,04507	Trương Tấn	Duy	Nam	27/08/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		8,0
340	15,02772	Nguyễn Thái Hoàng	Duy	Nam	22/05/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Châu Thành	3		8,1
341	15,04545	Tăng Nhất	Duy	Nam	16/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		8,2
342	15,04193	Lê Thị Thùy	Duyên	Nữ	06/10/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Gò Công Đông	2NT		8,0
343	15,04374	Phạm Thị	Gái	Nam	10/12/1995	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,5
344	15,02608	Nguyễn	Ghìn	Nam	10/10/1997	C510201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,9
345	15,03897	Đỗ Hoàng	Gia	Nam	22/02/1997	C510206	Bình Dương	Huyện Dầu Tiếng	2NT		6,3
346	15,03623	Nguyễn Khánh	Giang	Nam	25/09/1996	C510201	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	2		6,0
347	15,03041	Trần Trường	Giang	Nam	25/10/1997	C510206	Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch	2		6,2
348	15,03678	Hồ Minh	Giang	Nam	05/09/1995	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		6,2
349	15,03888	Trần Hoàng	Giang	Nam	20/06/1994	C480201	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,5
350	15,04408	Dương Trường	Giang	Nam	09/09/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,5
351	15,04481	Vũ Hoàng	Giang	Nam	01/02/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,5
352	15,03506	Lê Đình	Giang	Nam	18/11/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1		6,8
353	15,04041	Huỳnh Công	Giang	Nam	08/08/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,1
354	15,04085	Nguyễn Lam	Giang	Nam	13/07/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		7,3
355	15,04261	Nguyễn Thanh	Giang	Nam	25/12/1997	C510201	Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp			7,4
356	15,02624	Võ Hoàng	Giang	Nam	04/09/1997	C510301	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		7,6
357	15,03971	Trần Văn	Gióc	Nam	19/07/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Long Điền	2NT		6,9
358	15,03783	Thị Ngọc	Hà	Nữ	14/04/1996	C480201	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1		6,2
359	15,03239	Văn Thị	Hà	Nữ	01/07/1997	C540204	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	2NT		6,6
360	15,03903	Đinh Huỳnh Thanh	Hà	Nữ	17/08/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		7,3
361	15,03148	Đỗ Quang	Hà	Nam	26/10/1997	C510205	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		6,7
362	15,04548	Nguyễn Gia Hào	Hà	Nam	30/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,7
363	15,04406	Đoàn Thị Hoàng	Hà	Nam	09/10/1997	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT		7,0
364	15,03798	Lê Nguyễn Hoàng	Hải	Nam	13/10/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		5,6
365	15,03657	Đào Thanh	Hải	Nam	14/06/1997	C510301	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		5,7
366	15,03255	Cao Sơn	Hải	Nam	29/03/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		5,8
367	15,042	Vũ Thanh	Hải	Nam	02/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		5,9
368	15,01089	Mai Ngọc	Hải	Nam	30/06/1996	C510201	Long An	Thành phố Tân An	2		6,0
369	15,02914	Nguyễn Minh	Hải	Nam	16/02/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		6,0
370	15,03294	Võ Tấn	Hải	Nam	27/12/1995	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,1
371	15,03368	Nguyễn Văn	Hải	Nam	07/08/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	1		6,1

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
372	15,03538	Hồ Văn	Hải	Nam	02/03/1996	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	1		6,1
373	15,0096	Phan Duy	Hải	Nam	23/09/1997	C510206	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,1
374	15,02661	Đặng Thành	Hải	Nam	04/12/1996	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Ana	1		6,2
375	15,03168	Lê Ngọc	Hải	Nam	19/07/1997	C510206	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		6,5
376	15,03656	Lương Xuân	Hải	Nam	14/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,6
377	15,02597	Phan Văn	Hải	Nam	26/02/1997	C510201	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		6,7
378	15,04343	Trương Hồng	Hải	Nam	26/01/1994	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		6,7
379	15,04622	Phạm Dương Thanh	Hải	Nam	28/10/1997	C510301	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		6,8
380	15,0387	Trần Đình	Hải	Nam	25/09/1997	C510201	Vĩnh Phúc	Huyện Yên Lạc	3		7,0
381	15,04089	Phạm Thanh	Hải	Nam	07/07/1997	C510201	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		7,0
382	15,04203	Lê Thanh	Hải	Nam	15/06/1997	C480201	Đồng Tháp	Huyện Châu Thành	2NT		7,1
383	15,03269	Lê Minh	Hải	Nam	29/12/1996	C510205	Long An	Huyện Cần Đước	3		7,2
384	15,04025	Huỳnh Tấn	Hải	Nam	05/03/1997	C480201	Bình Phước	Thị xã Phước Long	1		7,4
385	15,04513	Châu Minh	Hải	Nam	22/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			7,6
386	15,02882	Nguyễn Minh	Hân	Nam	01/05/1997	C480201	Bình Định	Huyện Tuy Phước			6,0
387	15,01912	Nguyễn Chí	Hân	Nam	21/02/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,7
388	15,02802	Trần Thị	Hằng	Nữ	07/10/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tuy Phước	3		6,2
389	15,03638	Trần Thị Mỹ	Hằng	Nữ	23/08/1997	C480201	Tiền Giang	Thị xã Gò Công			6,2
390	15,03392	Trần Thị Mỹ	Hằng	Nữ	11/04/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,6
391	15,03273	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	28/11/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1		6,9
392	15,04222	Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	08/09/1996	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		7,1
393	15,03276	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	Nữ	06/12/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		7,9
394	15,03284	Phan Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	17/08/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,5
395	15,032	Huỳnh Hiếu	Hạnh	Nữ	21/03/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Chợ Gạo	2NT		7,5
396	15,03413	Đỗ Văn	Hạnh	Nam	23/02/1994	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		6,2
397	15,04617	Lê Thế	Hạnh	Nam	05/07/1996	C510201	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	1		6,5
398	15,02555	Ngô Hồng	Hạnh	Nam	10/06/1997	C510205	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		6,9
399	15,02632	Trần Đình	Hào	Nam	22/08/1996	C510205	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	1		5,9
400	15,04243	Trần Nhật	Hào	Nam	24/06/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		6,2
401	15,02374	Lâm Thành	Hào	Nam	26/04/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,3
402	15,03892	Diệp Chí	Hào	Nam	23/08/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 4	3		6,5
403	15,04344	Trương Thế	Hào	Nam	22/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,5
404	15,02991	Lê Anh	Hào	Nam	15/07/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn			6,9
405	15,04488	Nguyễn Anh	Hào	Nam	30/03/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh	1		7,0
406	15,03688	Lê Hữu	Hào	Nam	15/10/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,3
407	15,04451	Nguyễn Thị Xuân	Hào	Nữ	03/04/1997	C540204	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2NT		7,0
408	15,03023	Trần Hoàng	Hào	Nam	30/05/1996	C480201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		5,6
409	15,04077	Lê Ngọc	Hào	Nam	08/02/1997	C510201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,0
410	15,03958	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	10/01/1991	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,0
411	15,03262	Nguyễn Minh	Hậu	Nam	17/09/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,1
412	15,04196	Huỳnh Xuân	Hậu	Nam	08/08/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		6,1
413	15,03825	Dương Văn	Hậu	Nam	10/08/1997	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,2
414	15,04126	Nguyễn Phi	Hậu	Nam	09/05/1997	C510201	Long An	Huyện Cần Đước			6,2
415	15,01556	Mai Nguyễn Hùng	Hậu	Nam	08/05/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Mô Cày Nam	2NT		6,4
416	15,04439	Phạm Văn	Hậu	Nam	14/07/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	1		6,4
417	15,02758	Huỳnh Công	Hậu	Nam	10/09/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,5
418	15,04376	Phùng Huy	Hậu	Nam	07/03/1995	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,5
419	15,04005	Nguyễn Văn	Hậu	Nam	15/12/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	1		6,6
420	15,04455	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	27/10/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,6
421	15,0325	Nguyễn Hoàng Phúc	Hậu	Nam	17/07/1997	C510201	Vĩnh Long	Thành phố Vĩnh Long	3		6,7
422	15,04382	Nguyễn Hồng	Hậu	Nam	25/02/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	1		6,7
423	15,04449	Nguyễn Phước	Hậu	Nam	15/09/1997	C510205	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1	2	6,8
424	15,03736	Trần Văn	Hậu	Nam	01/10/1997	C480201	Hà Tĩnh	Huyện Nghi Xuân	2NT		6,9
425	15,03334	Nguyễn Phúc	Hậu	Nam	17/04/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		7,3

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
426	15,04551	Huỳnh Thanh	Hậu	Nam	18/09/1997	C510301	Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	2NT		7,4
427	15,04597	Đào Văn	Hiên	Nam	21/07/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ	1		6,8
428	15,03758	Lê Xuân	Hiển	Nam	06/04/1997	C510206	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,4
429	15,04313	Huỳnh Minh	Hiển	Nam	06/05/1996	C510201	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	2		6,4
430	15,02726	Nguyễn Trọng	Hiển	Nam	10/07/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			7,6
431	15,02649	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	Nữ	30/05/1997	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,1
432	15,04187	Đinh Thị Thu	Hiền	Nữ	14/04/1997	C540204	Ninh Bình	Huyện Gia Viễn			6,6
433	15,02535	Vũ Thị Thảo	Hiền	Nữ	10/07/1996	C480201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	2		6,7
434	15,0304	Thái Thị Thu	Hiền	Nữ	10/01/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		7,0
435	15,04035	Lê Thanh	Hiền	Nữ	30/05/1997	C540204	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		7,7
436	15,03313	Bùi Văn	Hiền	Nam	03/03/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,0
437	15,03727	Hà Thanh	Hiền	Nam	19/04/1996	C510301	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1		6,0
438	15,02926	Nguyễn Chí	Hiền	Nam	10/08/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	1		6,2
439	15,01356	Ngô Quang	Hiền	Nam	09/05/1997	C510205	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	1		6,4
440	15,03437	Phan Minh	Hiền	Nam	19/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	3		6,9
441	15,03955	Chiêm Ân	Hiền	Nam	01/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		7,1
442	15,02684	Nguyễn Thanh	Hiền	Nam	14/05/1997	C510205	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT	1	7,2
443	15,02901	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	27/01/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	1		7,2
444	15,0127	Lê Quang	Hiền	Nam	10/02/1996	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,2
445	15,02804	Võ Đoàn	Hiệp	Nam	07/08/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		5,8
446	15,04141	Trần Đại	Hiệp	Nam	09/02/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,2
447	15,03814	Đặng Nguyễn Quốc	Hiệp	Nam	29/10/1996	C510201	Bình Dương	Thị xã Bến Cát	2NT		6,3
448	15,04076	Đặng	Hiệp	Nam	11/07/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2		6,3
449	15,039	Trần Nguyễn Thái	Hiệp	Nam	26/10/1996	C510201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		6,7
450	15,04521	Nguyễn Tấn	Hiệp	Nam	16/09/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tây Sơn	2NT		7,1
451	15,03289	Trần Thị Minh	Hiếu	Nữ	03/12/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1		5,9
452	15,01297	Đặng Minh	Hiếu	Nam	30/12/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi			6,6
453	15,0405	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	01/08/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,4
454	15,03388	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	15/08/1995	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1	1	5,5
455	15,03271	Huỳnh Minh	Hiếu	Nam	19/09/1997	C510205	Long An	Huyện Thủ Thừa	2NT		5,7
456	15,01281	Nguyễn Tấn	Hiếu	Nam	19/08/1996	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng			5,9
457	15,03575	Đặng Minh	Hiếu	Nam	19/01/1995	C510301	Bình Dương	Thị xã Bến Cát	2NT	2	5,9
458	15,04079	Trần Trung	Hiếu	Nam	18/07/1997	C480201	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		5,9
459	15,02578	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	06/04/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2	6	6,1
460	15,02968	Huỳnh Minh	Hiếu	Nam	03/10/1997	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu			6,1
461	15,02973	Nguyễn Thành	Hiếu	Nam	17/09/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức			6,1
462	15,0316	Nguyễn Văn	Hiếu	Nam	06/04/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,1
463	15,04009	Thành Trung	Hiếu	Nam	07/10/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	1	1	6,1
464	15,04518	Nguyễn Công	Hiếu	Nam	29/12/1997	C480201	Khánh Hoà	Huyện Cam Lâm	2NT		6,2
465	15,03398	Tạ Duy	Hiếu	Nam	16/07/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3		6,3
466	15,03452	Phạm Thanh	Hiếu	Nam	18/09/1997	C510301	Đắk Nông	Huyện Đắk RLấp	1		6,3
467	15,0354	Huỳnh Trung	Hiếu	Nam	12/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,4
468	15,04282	Bùi Trung	Hiếu	Nam	04/09/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,5
469	15,02662	Đặng Công	Hiếu	Nam	19/09/1996	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	1	2	6,6
470	15,04177	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	11/05/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,6
471	15,02996	Nguyễn Phú	Hiếu	Nam	28/02/1997	C510205	Hải Dương	Huyện Kim Thành			6,7
472	15,02823	Võ Thanh	Hiếu	Nam	21/05/1997	C510206	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	2NT		6,7
473	15,02648	Huỳnh Ngọc	Hiếu	Nam	04/04/1997	C510205	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		6,8
474	15,03658	Lê Doãn Minh	Hiếu	Nam	07/08/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,8
475	15,04526	Nguyễn Quang	Hiếu	Nam	06/10/1997	C510206	Khánh Hoà	Thành phố Cam Ranh	1		6,9
476	15,03439	Điều Tấn	Hiếu	Nam	26/12/1995	C510301	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	1		7,1
477	15,04509	Huỳnh Đức	Hiếu	Nam	02/09/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Cát	2NT		7,1
478	15,026	Tô Văn	Hiếu	Nam	13/03/1997	C510205	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,3
479	15,04575	Vũ Trọng	Hiếu	Nam	04/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,4

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
480	15,04528	Phan Hoàng	Hiếu	Nam	25/05/1997	C480201	Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	2NT		7,5
481	15,03577	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	22/12/1997	C510301	Sóc Trăng	Huyện Mỹ Tú			7,6
482	15,03868	Trần Thị Thanh	Hoa	Nữ	10/06/1997	C540204	Hà Nội	Huyện Gia Lâm	2		7,0
483	15,03208	Huỳnh Thị Thúy	Hòa	Nữ	16/03/1997	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Minh Long	2		6,1
484	15,03188	Nguyễn Quang	Hòa	Nam	22/04/1996	C510201	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phong Điền			5,8
485	15,03643	Trần Văn	Hòa	Nam	16/04/1996	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,1
486	15,02759	Lưu Hữu	Hòa	Nam	10/04/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8			6,2
487	15,02909	Nguyễn Minh	Hòa	Nam	20/04/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,6
488	15,04686	Nguyễn Lê Đăng	Hòa	Nam	08/04/1997	C510201	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,6
489	15,03405	Nguyễn Tấn	Hòa	Nam	07/03/1997	C510301	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		6,7
490	15,0363	Nguyễn Minh	Hòa	Nam	08/04/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	2		6,7
491	15,03951	Trần Công	Hòa	Nam	13/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	1		6,7
492	15,04505	Nguyễn Minh	Hòa	Nam	08/04/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	1		6,7
493	15,04161	Đặng Nguyễn Thái	Hòa	Nam	07/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,8
494	15,0259	Lường Văn	Hòa	Nam	08/08/1995	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	1	1	6,9
495	15,04264	Phạm Đức	Hòa	Nam	13/10/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		7,2
496	15,04194	Đỗ Trần Minh	Hòa	Nam	25/06/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		7,4
497	15,03876	Phùng Lê Quý	Hoài	Nam	05/05/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Long Thành	1		5,7
498	15,03857	Nguyễn Phước	Hoài	Nam	15/10/1996	C510206	Long An	Huyện Tân Thạnh			6,6
499	15,02799	Hồ Phước	Hoài	Nam	10/03/1996	C510205	An Giang	Huyện Tri Tôn	1	1	6,7
500	15,01676	Đinh Thị	Hoàn	Nữ	10/03/1997	C480201	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	1		5,5
501	15,03073	Ngô Văn	Hoàn	Nam	18/05/1997	C510205	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		6,7
502	15,02944	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	23/08/1996	C480201	Gia Lai	Huyện Đak Pơ	1		5,6
503	15,0379	Ma Vĩnh	Hoàng	Nam	20/12/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		5,9
504	15,03132	Nguyễn Khắc	Hoàng	Nam	22/10/1996	C510301	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,1
505	15,03217	Nguyễn Trung	Hoàng	Nam	17/10/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Lâm Hà	1		6,1
506	15,04489	Trần Quốc	Hoàng	Nam	29/10/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	2NT		6,1
507	15,03533	Biện Tấn	Hoàng	Nam	27/01/1997	C510206	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		6,3
508	15,04147	Trần Văn	Hoàng	Nam	08/11/1997	C510201	Đắk Nông	Huyện Đắk RLấp	1		6,3
509	15,0388	Phan Huy	Hoàng	Nam	28/05/1994	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		6,4
510	15,04241	Nguyễn Hữu	Hoàng	Nam	29/03/1997	C510201	Thái Bình	Huyện Thái Thụy	3		6,4
511	15,02594	Lưu Thiên	Hoàng	Nam	22/03/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		6,5
512	15,03751	Nguyễn Xuân	Hoàng	Nam	11/10/1995	C510301	Nghệ An	Thị Xã Hoàng Mai	2NT		6,5
513	15,04342	Vũ Việt	Hoàng	Nam	18/12/1997	C510301	Bắc Ninh	Huyện Gia Bình	3		6,5
514	15,02956	Võ Tuấn	Hoàng	Nam	25/09/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	1		6,6
515	15,03512	Trần Thanh	Hoàng	Nam	14/01/1996	C510205	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,6
516	15,03473	Võ Khánh	Hoàng	Nam	10/06/1997	C510206	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	2		6,6
517	15,03065	Lưu Thiên	Hoàng	Nam	22/03/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Tây Hòa			6,7
518	15,02581	Nguyễn	Hoàng	Nam	15/08/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		6,8
519	15,02814	Nguyễn Kế	Hoàng	Nam	24/07/1996	C510205	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,8
520	15,03804	Huỳnh Hữu	Hoàng	Nam	17/02/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2NT		6,8
521	15,03156	Nguyễn Thanh	Hoàng	Nam	20/02/1996	C510301	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	2NT		6,9
522	15,04527	Nguyễn Thế	Hoàng	Nam	01/01/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	2		7,0
523	15,03086	Nguyễn Quốc	Hoàng	Nam	08/12/1996	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		7,3
524	15,0393	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	28/05/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		7,3
525	15,03982	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	30/11/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	1		7,7
526	15,03883	Trương Huy	Hoàng	Nam	12/08/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		8,0
527	15,04369	Nguyễn Thái	Học	Nam	23/05/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		7,3
528	15,02722	Hoàng Thị	Hòe	Nữ	23/05/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		5,8
529	15,02827	Lê Văn	Hòe	Nam	12/04/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		6,1
530	15,02965	Nguyễn Văn	Hội	Nam	10/11/1996	C510201	Bình Định	Huyện Phù Cát	2NT		6,0
531	15,02888	Đỗ Văn	Hơn	Nam	02/02/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,4
532	15,03361	Bùi Thị Yến	Hồng	Nữ	19/01/1996	C480201	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2		6,0
533	15,03829	Lâu Mỹ	Hồng	Nữ	10/10/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		7,0

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
534	15,03696	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	Nữ	13/12/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		8,1
535	15,0422	Nguyễn Đình	Hợp	Nam	12/10/1996	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	1		7,0
536	15,04123	Lê Ngọc	Huấn	Nam	20/02/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Tây Hòa			7,0
537	15,04388	Lâm Kim	Huệ	Nữ	16/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,4
538	15,03149	Võ Ngọc Phi	Hùng	Nam	16/04/1995	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ			5,8
539	15,02466	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	20/06/1997	C510205	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1	1	6,0
540	15,0437	Lê Bá	Hùng	Nam	31/05/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,2
541	15,0407	Trần Đình	Hùng	Nam	30/04/1996	C510205	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập			6,3
542	15,03914	Uông Xuân	Hùng	Nam	21/06/1997	C510201	Đắk Nông	Huyện Đắk RLấp	1		6,4
543	15,04052	Huỳnh	Hùng	Nam	16/06/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,4
544	15,04399	Đoàn Anh	Hùng	Nam	28/11/1996	C510201	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	1		6,5
545	15,02699	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	29/09/1994	C510301	Đồng Nai	Huyện Long Thành	1	1	6,6
546	15,03005	Nguyễn Xuân	Hùng	Nam	27/11/1996	C480201	Bình Định	Thị xã An Nhơn			6,8
547	15,04328	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	02/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,9
548	15,04351	Huỳnh Xuân	Hùng	Nam	13/09/1996	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		7,0
549	15,0277	Nguyễn Kim	Hùng	Nam	02/09/1997	C510205	Bình Định	Huyện Phù Mỹ			7,1
550	15,02599	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	07/04/1996	C510205	Long An	Huyện Bến Lức			7,2
551	15,03659	Lê Minh	Hùng	Nam	19/03/1997	C510301	Vĩnh Long	Huyện Tam Bình	2NT		7,3
552	15,03761	Huỳnh Chiêu	Hùng	Nam	10/11/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		7,3
553	15,04542	Trần Minh	Hùng	Nam	18/08/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	1		7,3
554	15,04338	Võ Văn	Hùng	Nam	16/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1	3		7,5
555	15,04412	Huỳnh Văn	Hùng	Nam	11/08/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		7,5
556	15,02707	Nguyễn Thanh	Hưng	Nam	29/11/1995	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh			5,9
557	15,0311	Vòng Nhật	Hưng	Nam	08/12/1991	C510301	Đồng Nai	Huyện Định Quán	2		6,1
558	15,02621	Trần Xuân	Hưng	Nam	22/10/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	2NT		6,2
559	15,02736	Lê Anh	Hưng	Nam	26/11/1997	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,2
560	15,04223	Lê Anh	Hưng	Nam	26/11/1997	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,2
561	15,02588	Phạm Tân	Hưng	Nam	25/06/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn			6,3
562	15,03161	Phạm Phước	Hưng	Nam	08/10/1995	C510201	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	1		6,5
563	15,0413	Đoàn Phúc	Hưng	Nam	10/05/1997	C510201	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		7,3
564	15,01609	Huỳnh Trung	Hưng	Nam	25/09/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		7,6
565	15,03826	Lê Thị Xuân	Hương	Nữ	16/09/1997	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,5
566	15,04662	Trần Ngọc Xuân	Hương	Nữ	18/10/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		6,6
567	15,02768	Nguyễn Xuân	Hương	Nam	24/03/1996	C510201	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi			6,4
568	15,03147	Võ Thị Thu	Hương	Nam	22/06/1997	C540204	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,5
569	15,03567	Nguyễn Văn	Hữu	Nam	14/06/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,7
570	15,04624	Lâm	Hữu	Nam	23/05/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh	1		7,3
571	15,03141	Nguyễn Trọng	Hữu	Nam	28/01/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Đạ Huoai	1		6,0
572	15,02839	Đoàn Minh	Huy	Nam	18/01/1996	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	2NT		5,5
573	15,02806	Đoàn Minh	Huy	Nam	18/01/1996	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	2NT		5,5
574	15,03035	Đinh Tấn	Huy	Nam	20/08/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		5,7
575	15,03317	Trần Thanh	Huy	Nam	29/08/1996	C510301	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	1		5,7
576	15,03211	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	20/02/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,8
577	15,04567	Trần Quang	Huy	Nam	10/03/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		5,8
578	15,02717	Hà Gia	Huy	Nam	15/11/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh			5,9
579	15,02614	Phan Bảo	Huy	Nam	04/09/1995	C480201	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		5,9
580	15,02932	Huỳnh Thái	Huy	Nam	01/07/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn			6,0
581	15,02862	Vương Lâm	Huy	Nam	14/04/1997	C510201	Gia Lai	Thành phố Pleiku	2NT		6,1
582	15,03404	Trần Tuấn	Huy	Nam	25/04/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		6,1
583	15,03664	Nguyễn Phi	Huy	Nam	17/08/1996	C510206	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		6,2
584	15,03834	Chung Đức	Huy	Nam	16/11/1996	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	2		6,3
585	15,0332	Nguyễn Đức	Huy	Nam	30/10/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,4
586	15,04033	Phạm Khánh	Huy	Nam	21/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6			6,4
587	15,04004	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	05/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 4	3		6,4

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
588	15,04242	Trịnh Đức	Huy	Nam	13/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 4	3		6,4
589	15,04253	Nguyễn Trung	Huy	Nam	11/08/1995	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn			6,4
590	15,04433	Phan Đình	Huy	Nam	16/09/1997	C510201	Đồng Tháp	Thành phố Cao Lãnh	2		6,4
591	15,03532	Nguyễn Đức	Huy	Nam	10/12/1996	C510301	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,5
592	15,03198	Nguyễn Bá	Huy	Nam	23/10/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	1		6,6
593	15,03585	Nguyễn Hồ Minh	Huy	Nam	01/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,6
594	15,03819	Nguyễn Công	Huy	Nam	01/03/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,6
595	15,02866	Đỗ Lương Diệp	Huy	Nam	01/05/1997	C510205	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT	1	6,7
596	15,0358	Lê Quốc	Huy	Nam	14/04/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,7
597	15,03674	Đỗ Lương Diệp	Huy	Nam	01/05/1997	C510205	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT	1	6,7
598	15,04192	Trần Quốc	Huy	Nam	17/01/1997	C510201	Long An	Huyện Thạnh Hoá	2NT		6,7
599	15,04482	Lý Hoàng	Huy	Nam	03/12/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	2	1	6,7
600	15,03194	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	28/03/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	2		6,8
601	15,03799	Bùi Anh	Huy	Nam	22/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,8
602	15,04246	Lưu Quốc	Huy	Nam	25/02/1997	C510201	Vĩnh Long	Huyện Tam Bình			6,8
603	15,0262	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	28/06/1997	C510201	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng			7,0
604	15,03192	Phan Nhựt	Huy	Nam	18/05/1997	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		7,2
605	15,04355	Ong Gia	Huy	Nam	27/05/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		7,3
606	15,04378	Mạc Quốc	Huy	Nam	03/06/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3		7,3
607	15,04265	Lâm Quang	Huy	Nam	08/09/1997	C510205	Vĩnh Long	Huyện Tam Bình	3		7,3
608	15,01848	Đặng Tuấn	Huy	Nam	12/06/1995	C510205	Long An	Thành phố Tân An	1		7,5
609	15,03731	Dương Quí	Huy	Nam	15/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		7,9
610	15,04021	Lê Mai Thanh	Huy	Nam	12/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		8,3
611	15,03926	Lê Thị	Huyền	Nữ	23/04/1996	C480201	Quảng Bình	Huyện Lệ Thủy	1		6,5
612	15,04568	Đinh Thị Kim	Huyền	Nữ	14/03/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,5
613	15,035	Đào Thị Ngọc	Huyền	Nữ	10/07/1996	C480201	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	2		7,3
614	15,04226	Nguyễn Xuân	Huyền	Nam	18/08/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		7,3
615	15,02942	Lâm Quang	Hy	Nam	17/07/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,2
616	15,0408	Phùng Ngọc	Hy	Nam	23/01/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,8
617	15,02566	Mahmoud	Ilyas	Nam	11/06/1997	C510201	An Giang	Thị xã Tân Châu	2NT	1	6,5
618	15,03687	Trần Minh	Kha	Nam	02/08/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,1
619	15,02631	Đoàn Minh	Kha	Nam	12/10/1996	C510201	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		6,5
620	15,04279	Nguyễn Mạnh	Kha	Nam	14/10/1997	C510201	Đồng Tháp	Huyện Tân Hồng	1		6,8
621	15,04102	Liu Kiệt	Khả	Nam	13/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		8,3
622	15,03704	Nguyễn Quốc	Khải	Nam	20/02/1996	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		5,9
623	15,03249	Huỳnh Minh	Khải	Nam	19/06/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,4
624	15,02813	Nguyễn Tấn	Khải	Nam	05/05/1997	C510205	Phú Yên	Thị Xã Sông Cầu			6,5
625	15,03136	Thái Quang	Khải	Nam	01/08/1996	C480201	An Giang	Huyện Châu Phú	2NT		6,7
626	15,03832	Nguyễn Hữu	Khải	Nam	01/02/1997	C510201	Long An	Thị xã Kiến Tường	1		7,6
627	15,02558	Mai Bảo	Khang	Nam	10/05/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Ba Tri			5,9
628	15,03703	Nguyễn Thành	Khang	Nam	26/12/1995	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,0
629	15,03908	Võ Minh	Khang	Nam	04/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,0
630	15,03808	Trần Việt	Khang	Nam	25/06/1997	C510201	Bạc Liêu	Huyện Giá Rai	1		6,1
631	15,02187	Trần Thanh	Khang	Nam	27/04/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	2NT		6,2
632	15,02292	Nguyễn Hoàng	Khang	Nam	19/02/1996	C480201	Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười	2NT		6,3
633	15,03322	Phạm Duy	Khang	Nam	08/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 4	3		6,3
634	15,03784	Văn Ngọc	Khang	Nam	23/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		6,3
635	15,04044	Võ Việt	Khang	Nam	24/10/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Châu Thành	2NT		6,4
636	15,01958	Nguyễn Trí	Khang	Nam	24/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,5
637	15,03615	Trầm Anh	Khang	Nam	18/09/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1			6,6
638	15,03105	Bùi Duy	Khang	Nam	13/04/1997	C510301	Long An	Huyện Thạnh Hoá	2		7,1
639	15,04381	Hà Đức	Khang	Nam	27/03/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,1
640	15,03677	Nguyễn Đình	Khanh	Nam	03/12/1997	C510301	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	3		6,2
641	15,02825	Nguyễn Bình	Khanh	Nam	28/09/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2NT		6,5

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đổi tượng	ĐTB CN
642	15,02913	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	06/06/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2	1	6,5
643	15,03039	Nguyễn Công	Khanh	Nam	22/07/1997	C510206	An Giang	Huyện Chợ Mới	2NT		7,2
644	15,02705	Huỳnh Công	Khanh	Nam	29/11/1995	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh			7,3
645	15,03523	Phan Hoàng Duy	Khanh	Nam	27/06/1997	C510301	Long An	Huyện Cần Giuộc			7,3
646	15,03885	Nguyễn Hữu	Khanh	Nam	29/09/1997	C510201	Vĩnh Long	Huyện Tam Bình	2NT		7,5
647	15,03427	Nguyễn Duy	Khánh	Nam	18/05/1995	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	1		5,5
648	15,04017	Hồ Quốc	Khánh	Nam	02/02/1997	C510205	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		5,7
649	15,03077	Nguyễn Đức	Khánh	Nam	26/04/1997	C510205	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	1		6,5
650	15,04599	Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	01/01/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,9
651	15,03944	Lê Hữu	Khánh	Nam	05/09/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		7,4
652	15,04584	Phan Minh	Khánh	Nam	16/01/1997	C480201	Vĩnh Long	Huyện Mang Thít	2NT		7,4
653	15,04555	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	25/08/1997	C510301	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	2		7,7
654	15,03741	Lê Quốc	Khánh	Nam	02/09/1997	C510206	Vĩnh Long	Huyện Trà Ôn	2NT		8,6
655	15,04377	Nguyễn Minh	Khiêm	Nam	29/04/1995	C510206	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	2NT		6,4
656	15,02988	Phan Nguyễn Duy	Khiêm	Nam	27/04/1997	C510205	Long An	Huyện Bến Lức			6,8
657	15,04278	Phạm Lê	Khiết	Nam	29/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		7,6
658	15,04336	Châu Đăng	Khoa	Nam	18/06/1997	C510206	Bạc Liêu	Huyện Giá Rai	1		5,9
659	15,03124	Trần Đăng	Khoa	Nam	09/03/1997	C510206	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất			6,1
660	15,04263	Trần Đăng	Khoa	Nam	18/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			6,1
661	15,02692	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	03/05/1997	C510301	Long An	Huyện Tân Thạnh			6,2
662	15,02846	Trần Đăng	Khoa	Nam	12/10/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,2
663	15,04335	Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	18/11/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,2
664	15,03635	Phạm Dương Anh	Khoa	Nam	03/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		6,4
665	15,03619	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	08/03/1996	C480201	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,5
666	15,04206	Võ Tấn	Khoa	Nam	22/12/1997	C510301	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,5
667	15,03604	Võ Đăng	Khoa	Nam	09/04/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	2NT		6,6
668	15,02781	Phạm Đăng	Khoa	Nam	09/11/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,7
669	15,03345	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	19/04/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,7
670	15,04001	Đoàn Văn	Khoa	Nam	22/06/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,8
671	15,03813	Trương Thanh	Khoa	Nam	31/10/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,8
672	15,04479	Bạch Đức	Khoa	Nam	05/02/1996	C510201	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	1		6,9
673	15,02969	Lê Hữu	Khoa	Nam	17/12/1995	C510301	Bến Tre	Huyện Thạnh Phú			7,1
674	15,04654	Bùi Đăng	Khoa	Nam	17/02/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		7,1
675	15,02557	Nguyễn Hoàng	Khoa	Nam	17/06/1997	C480201	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phú Vang	2NT		7,4
676	15,04458	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	Nam	21/05/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		8,0
677	15,02636	Lý Minh	Khôi	Nam	09/04/1996	C510301	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	1		6,6
678	15,02606	Nguyễn Nguyên	Khôi	Nam	21/02/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,6
679	15,03456	Nguyễn Hữu	Khương	Nam	21/05/1996	C510301	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	2NT		6,2
680	15,03315	Trương Duy	Khương	Nam	17/03/1996	C510201	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		6,2
681	15,04305	Trương Minh	Khương	Nam	29/12/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		6,9
682	15,04504	Đỗ Võ Duy	Khương	Nam	15/07/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		6,9
683	15,02876	Phạm Tuấn	Khương	Nam	15/04/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT	1	7,0
684	15,03243	Võ Minh	Khương	Nam	23/11/1997	C510205	Long An	Huyện Tân Thạnh	2NT		7,2
685	15,04438	Nguyễn Lê	Khương	Nam	13/12/1997	C510201	Tiền Giang	Thị xã Cai Lậy	2NT		7,9
686	15,03376	Trần Đình	Kiên	Nam	27/09/1997	C510301	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		5,5
687	15,03222	Đăng Trung	Kiên	Nam	18/07/1997	C510301	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột			6,5
688	15,03205	Ngô Hoàng	Kiên	Nam	27/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,6
689	15,0448	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	07/06/1997	C510301	Đồng Tháp	Huyện Tam Nông	2NT		7,1
690	15,03044	Đình Quang	Kiệt	Nam	20/08/1996	C510205	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương			6,0
691	15,01946	Trương Phi	Kiệt	Nam	18/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,1
692	15,04437	Nguyễn Thanh	Kiệt	Nam	28/11/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,1
693	15,03265	Nguyễn Quốc	Kiệt	Nam	01/01/1996	C510201	Tây Ninh	Huyện Châu Thành	2		6,3
694	15,02695	Trần Quốc	Kiệt	Nam	13/12/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,4
695	15,04176	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	29/10/1997	C510301	Long An	Huyện Châu Thành	2NT		6,4

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
696	15,04492	Phạm Tuấn	Kiệt	Nam	25/11/1997	C480201	Tây Ninh	Huyện Châu Thành	2NT		6,5
697	15,04486	Lê Tuấn	Kiệt	Nam	20/07/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		7,1
698	15,04216	Nguyễn Bảo	Kiệt	Nam	08/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,7
699	15,03537	Trần Thị Thúy	Kiều	Nữ	14/01/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		5,8
700	15,02984	Lê Thị Mỹ	Kiều	Nữ	24/09/1997	C540204	Bến Tre	Huyện Bình Đại			6,3
701	15,04373	Lê Thị Diễm	Kiều	Nữ	22/11/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,8
702	15,04371	Lê Thị Diễm	Kiều	Nam	22/11/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,8
703	15,04202	Nguyễn Thị Ngọc	Kim	Nữ	29/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		7,9
704	15,04083	Y NU KA	KTLA	Nam	11/06/1996	C510205	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1	1	5,5
705	15,02873	Nguyễn Đào Cao	Kỳ	Nam	15/06/1996	C510201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	2		6,4
706	15,03929	Đỗ Quốc	Kỳ	Nam	02/11/1997	C510206	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2NT		6,4
707	15,03017	Nguyễn Cao	Kỳ	Nam	23/03/1997	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		7,2
708	15,02529	Trương Mạnh	Kỳ	Nam	19/02/1997	C510205	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		7,3
709	15,02972	Trần Thị Ngọc	Lài	Nữ	24/10/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		6,9
710	15,04112	Nguyễn Minh	Lài	Nữ	18/11/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,9
711	15,02604	Nguyễn Cao Kỳ	Lâm	Nữ	20/08/1996	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1	1	6,5
712	15,02727	Nguyễn Hoàng	Lâm	Nam	02/06/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn			5,6
713	15,04185	Vĩnh Thành	Lâm	Nam	20/03/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		5,9
714	15,02843	Lê Tùng	Lâm	Nam	26/09/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Châu Thành	2NT		6,0
715	15,03092	Đặng Thành	Lâm	Nam	05/06/1996	C480201	Bình Định	Huyện Tây Sơn	2NT	1	6,0
716	15,03218	Phạm Ánh	Lâm	Nam	29/01/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa			6,0
717	15,02437	Đào Ngọc	Lâm	Nam	25/02/1997	C510205	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		6,1
718	15,03844	Phạm Sơn	Lâm	Nam	13/10/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1	3		6,2
719	15,03068	Thái Hoàng	Lâm	Nam	04/11/1996	C510301	Gia Lai	Huyện Chư Prông	1		6,4
720	15,03012	Mai Hoàng	Lâm	Nam	22/08/1996	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		6,5
721	15,04215	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	01/04/1996	C480201	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	1		6,5
722	15,04138	Đình Hoàng	Lâm	Nam	12/01/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Đất Đỏ	2NT		6,6
723	15,04356	Thái Hồng	Lâm	Nam	22/04/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,6
724	15,0292	Phùng Thanh	Lâm	Nam	26/04/1997	C510205	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		6,7
725	15,03371	Phan Thanh	Lâm	Nam	16/08/1997	C510301	Quảng Bình	Thành phố Đồng Hới	3		6,8
726	15,02895	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	23/03/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		7,1
727	15,04019	Mai Hoàng Xuân	Lâm	Nam	11/02/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh			7,4
728	15,03669	Nguyễn Sơn	Lâm	Nam	26/03/1997	C510206	Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2NT		8,3
729	15,04629	Phạm Thị	Lan	Nữ	30/11/1996	C540204	Đắk Lắk	Huyện Ea H Leo	1		6,1
730	15,0337	Phan Duy	Lân	Nam	18/02/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,2
731	15,02749	Lê Thanh	Lân	Nam	15/12/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,5
732	15,03847	Trương Thị Phương	Lành	Nữ	20/08/1997	C540204	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		6,6
733	15,04156	Nguyễn Thành	Lập	Nam	16/04/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	2		5,5
734	15,04442	Hướng Thế	Lập	Nam	13/04/1996	C510201	Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	1		5,7
735	15,04006	Huỳnh Gia	Lập	Nam	10/10/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Châu Thành	2NT		7,2
736	15,03393	Hồ Ngọc	Lênh	Nam	12/09/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	1	6	6,2
737	15,03871	Trần Hoàng	Liêm	Nam	31/08/1995	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,6
738	15,02552	Nguyễn Sỹ	Liêm	Nam	06/09/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		7,7
739	15,04048	Trần Thị	Liên	Nữ	01/01/1997	C540204	Bến Tre	Huyện Mô Cày Nam	2NT		8,4
740	15,0303	Phạm Duy	Liêu	Nam	15/01/1997	C510206	Bình Định	Huyện Phù Cát	2NT		6,2
741	15,04517	Nông Thị	Liễu	Nữ	09/04/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		7,3
742	15,02676	Khâu Trịnh Mỹ	Linh	Nữ	20/09/1997	C540204	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng			6,1
743	15,03716	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	04/04/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,3
744	15,03274	Phạm Trung	Linh	Nam	18/05/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	3		5,8
745	15,02883	Ngô Tấn	Linh	Nam	24/03/1996	C510205	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,0
746	15,01969	Trần Phước Chiêu	Linh	Nam	26/10/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2NT		6,2
747	15,01924	Nguyễn Vũ	Linh	Nam	22/01/1996	C480201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	1		6,2
748	15,0321	Dương Bảo	Linh	Nam	06/11/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,2
749	15,0302	Hồ Phương	Linh	Nam	23/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,3

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
750	15,02848	Võ Tuấn	Linh	Nam	19/07/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ	1		6,5
751	15,03558	Phạm Duy	Linh	Nam	12/08/1997	C510205	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,6
752	15,03775	Nguyễn Đình	Linh	Nam	16/06/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		6,6
753	15,03153	Nguyễn Duy	Linh	Nam	27/08/1996	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT		6,8
754	15,03474	Mai Trần Nhật	Linh	Nam	22/06/1997	C510206	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,9
755	15,029	Hoàng Trọng	Linh	Nam	20/10/1996	C510206	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc			7,0
756	15,02975	Trần Nhật	Linh	Nam	29/08/1996	C510206	Hậu Giang	Huyện Vị Thuỷ	3		7,0
757	15,03436	Tạ Ngọc	Linh	Nam	25/11/1997	C510301	Thái Bình	Huyện Kiến Xương	2NT		7,3
758	15,03765	Lê Tuấn	Linh	Nam	26/11/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,5
759	15,03818	Lương Hồng	Lĩnh	Nam	25/06/1996	C480201	Kiên Giang	Huyện An Minh	1		6,6
760	15,03119	Nguyễn Thị Kim	Loan	Nữ	04/04/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tây Sơn	2NT		6,5
761	15,04386	Lê Thị Kim	Loan	Nữ	31/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		6,8
762	15,03502	Ngô Thị	Loan	Nữ	03/10/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	7,1
763	15,04047	Hoàng Thị	Loan	Nam	10/05/1998	C540204	Lâm Đồng	Huyện Đam Rông	2NT		7,2
764	15,0331	Võ Văn	Lộc	Nam	22/10/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1	1	5,6
765	15,02666	Trương Tấn	Lộc	Nam	03/02/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		5,7
766	15,01857	Nguyễn Phước	Lộc	Nam	29/04/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc	2NT		6,2
767	15,03843	Phạm	Lộc	Nam	17/11/1995	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3		6,2
768	15,04447	Trần Phước	Lộc	Nam	13/05/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,3
769	15,03209	Dương Tấn	Lộc	Nam	09/06/1997	C480201	Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	2NT		6,4
770	15,04269	Nguyễn Văn Phước	Lộc	Nam	29/12/1996	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	1		6,6
771	15,02763	Huỳnh Xuân	Lộc	Nam	28/09/1997	C510201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,7
772	15,03114	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	15/05/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,3
773	15,03706	Nguyễn Tấn	Lộc	Nam	04/11/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Gò Công Đông	2NT		7,6
774	15,04603	Đỗ Trọng	Lộc	Nam	21/10/1997	C510301	Đồng Nai	Thị xã Long Khánh	2		8,0
775	15,03328	Lê Thị Phương	Lợi	Nữ	12/08/1997	C480201	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT	1	6,1
776	15,03631	Trần Ngọc Hữu	Lợi	Nam	15/10/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		5,7
777	15,03264	Nguyễn Quốc	Lợi	Nam	26/01/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 7	3		6,2
778	15,02809	Đoàn Công	Lợi	Nam	10/10/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT	1	6,5
779	15,03949	Huỳnh Lê	Lợi	Nam	06/08/1996	C510201	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		6,5
780	15,03146	Lê Huy	Long	Nam	03/05/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			5,7
781	15,03252	Võ Lý Khánh	Long	Nam	07/04/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	1		5,8
782	15,03251	Võ Lý Khánh	Long	Nam	07/04/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	1		5,8
783	15,02753	Nguyễn Hà Phi	Long	Nam	29/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,0
784	15,03762	Đoàn Phi	Long	Nam	21/01/1997	C510206	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Bà Rịa	2		6,0
785	15,02782	Nông Thắm Thanh	Long	Nam	01/01/1995	C510205	Đắk Lắk	Huyện Ea H Leo	3	1	6,2
786	15,02791	Nguyễn Đắc	Long	Nam	25/12/1997	C510205	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phong Điền			6,4
787	15,04072	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	21/04/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh			6,4
788	15,03467	Hoàng Phi	Long	Nam	25/07/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,5
789	15,04132	Lê Thành	Long	Nam	20/11/1995	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,5
790	15,02663	Lê Hoàng	Long	Nam	04/08/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			6,6
791	15,04357	Nguyễn Đăng	Long	Nam	20/08/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Krông Ana	1		6,6
792	15,03846	Lầu Nghiệp	Long	Nam	17/05/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	2		6,7
793	15,04153	Nguyễn Văn	Long	Nam	15/04/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,8
794	15,03935	Trần Duy	Long	Nam	26/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,9
795	15,04286	Nguyễn Hoàng Kim T	Long	Nam	06/11/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		6,9
796	15,04595	Võ Huỳnh	Long	Nam	13/12/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,9
797	15,04585	Kiều Ngọc	Long	Nam	11/09/1997	C510206	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,9
798	15,03142	Phạm Thanh	Long	Nam	08/04/1997	C480201	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		7,0
799	15,02603	Đặng Hoàng	Long	Nam	01/06/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			7,1
800	15,03248	Nguyễn Phan Kim	Long	Nam	26/11/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		7,3
801	15,03127	Võ Huỳnh	Long	Nam	22/12/1996	C510206	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		7,7
802	15,04671	Đỗ Thành	Long	Nam	02/10/1996	C510205	Long An	Huyện Châu Thành	2NT		7,8
803	15,0372	Lý	Luân	Nam	15/06/1991	C510301	Kiên Giang	Huyện An Biên	2		5,5

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
804	15,03911	Nguyễn Kim	Luân	Nam	24/02/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3		5,6
805	15,04563	Nguyễn Đình	Luân	Nam	17/01/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Ân	2NT		6,0
806	15,02923	Nguyễn Thành	Luân	Nam	26/09/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	1		6,1
807	15,0301	Nguyễn Quang	Luân	Nam	01/02/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		6,2
808	15,04111	Trịnh Huỳnh Thành	Luân	Nam	25/05/1996	C540204	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,2
809	15,04115	Trịnh Huỳnh Thành	Luân	Nam	25/05/1996	C510205	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,2
810	15,04529	Hồ Anh	Luân	Nam	26/12/1997	C480201	Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước	1		6,7
811	15,04472	Tiêu Đức	Luân	Nam	02/02/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,9
812	15,02859	Phạm Minh	Luân	Nam	17/11/1996	C510301	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		7,3
813	15,0349	Thái Đỗ Công	Luận	Nam	06/01/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		5,9
814	15,04232	Đồng Hữu	Luận	Nam	25/06/1997	C510301	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,0
815	15,02742	Lê Sinh	Luận	Nam	31/10/1997	C510205	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,3
816	15,0451	Nguyễn Văn	Luận	Nam	08/06/1997	C510201	Quảng Nam	Huyện Núi Thành	2NT		7,0
817	15,04251	Huỳnh Thanh	Luật	Nam	18/05/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	1		6,3
818	15,03339	Huỳnh Văn	Lực	Nam	20/11/1997	C510301	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	2		6,6
819	15,04034	Nguyễn Văn Đình	Lực	Nam	20/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,6
820	15,03641	Cao Minh	Lực	Nam	16/09/1997	C510301	Nghệ An	Huyện Diễn Châu	2NT	6	6,9
821	15,04205	Phan Trí	Lực	Nam	20/09/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,0
822	15,04308	Biện Quang	Lực	Nam	01/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		7,0
823	15,04091	Đinh Tấn	Lực	Nam	27/08/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		8,3
824	15,0365	Trương Doãn	Lương	Nam	20/02/1997	C510301	Thanh Hoá	Huyện Triệu Sơn	2NT		6,7
825	15,03162	Đào Quang	Lượng	Nam	14/11/1996	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đạ Huoai	1		6,0
826	15,03075	Đinh Việt	Lượng	Nam	09/09/1996	C510201	Bình Phước	Thị xã Bình Long	1		7,2
827	15,04467	Trần Văn	Lưu	Nam	19/01/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,5
828	15,03916	Ngô Danh	Lưu	Nam	14/02/1997	C480201	Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười	2NT		6,8
829	15,03062	Nguyễn Văn	Luyến	Nam	20/11/1997	C510206	Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch	1		7,4
830	15,04576	Phạm Thị	Ly	Nữ	08/11/1996	C540204	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		7,2
831	15,02953	Nguyễn Thành	Ly	Nam	20/06/1997	C510201	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải			6,8
832	15,03043	Nguyễn Thành	Ly	Nam	20/06/1997	C510201	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	1		6,8
833	15,0452	Hoàng Thị	Mai	Nữ	18/06/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		8,3
834	15,03429	Phạm Xuân	Mai	Nam	10/05/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,0
835	15,03131	Trần Đức	Mãn	Nam	04/11/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,4
836	15,03504	Dư Kiện	Mãn	Nam	16/07/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11			7,3
837	15,02922	Trần Minh	Mẫn	Nam	05/07/1996	C480201	Bến Tre	Huyện Ba Tri			6,2
838	15,04436	Nguyễn Tiến	Mạnh	Nam	17/09/1996	C510201	Gia Lai	Huyện Ia Grai	1		5,6
839	15,03152	Bùi Đức	Mạnh	Nam	11/12/1997	C480201	Gia Lai	Thành phố Pleiku	2NT	1	6,4
840	15,03326	Bùi Đức	Mạnh	Nam	11/12/1997	C480201	Gia Lai	Thành phố Pleiku	2NT	1	6,4
841	15,04051	Nguyễn Huỳnh	Mạnh	Nam	31/12/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	2NT		7,0
842	15,02685	Nguyễn Văn	Mạnh	Nam	19/10/1994	C510206	Thanh Hoá	Thành phố Thanh Hoá	2NT		7,2
843	15,04615	Vũ Thị Tuyết	Mây	Nữ	18/02/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	1		6,9
844	15,03428	Trần Thị Trà	Mi	Nữ	1996	C540204	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		5,9
845	15,02617	Vương Krông Hồng	Minh	Nam	24/04/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	1	1	5,7
846	15,01622	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	31/12/1996	C510205	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		5,7
847	15,03578	Phạm Văn	Minh	Nam	03/11/1996	C510301	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		5,8
848	15,03036	Ngô Đức	Minh	Nam	11/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	1	1	5,9
849	15,04171	Hoàng Nhật	Minh	Nam	02/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,0
850	15,02946	Trần Cao	Minh	Nam	01/02/1997	C510301	Tây Ninh	Huyện Bến Cầu	2NT		6,1
851	15,03042	Ngô Công	Minh	Nam	05/11/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Long Thành	2NT		6,1
852	15,01435	Nguyễn Công	Minh	Nam	05/11/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,1
853	15,02626	Võ Công	Minh	Nam	15/07/1997	C510301	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		6,2
854	15,0411	Đặng Thanh	Minh	Nam	18/08/1997	C510201	Long An	Huyện Cần Giuộc	3		6,2
855	15,01545	Vòng Khải	Minh	Nam	22/04/1996	C510205	Đồng Nai	Huyện Định Quán	2		6,3
856	15,0298	Hoàng Xuân	Minh	Nam	10/05/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	2NT		6,3
857	15,03483	Nguyễn Lê Bảo	Minh	Nam	04/11/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Đồng Phú			6,3

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
858	15,04186	Vương Krông Hồng	Minh	Nam	24/04/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar			6,3
859	15,04393	Lư Hoàng	Minh	Nam	05/11/1996	C510206	An Giang	Huyện Châu Thành	3		6,4
860	15,03306	Nguyễn Tấn	Minh	Nam	18/11/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,6
861	15,03984	Huỳnh Văn	Minh	Nam	12/06/1997	C510205	Cà Mau	Huyện Phú Tân	2NT		6,8
862	15,04099	Đỗ Ngọc Nhật	Minh	Nam	28/05/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,9
863	15,03295	Vũ Chí	Minh	Nam	21/10/1997	C510301	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	2		7,0
864	15,02714	Nguyễn Phi	Minh	Nam	12/08/1995	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3		7,0
865	15,04347	Châu Duệ	Minh	Nam	15/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		7,0
866	15,03338	Ngô Anh	Minh	Nam	08/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,1
867	15,03268	Cao Văn	Minh	Nam	19/04/1997	C480201	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	3		7,2
868	15,03286	Nguyễn Hồng	Minh	Nam	15/07/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		7,2
869	15,04469	Phạm Văn	Minh	Nam	25/10/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,2
870	15,03621	Quách Thiệu	Minh	Nam	04/07/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		7,3
871	15,03028	Lâm Tuấn	Minh	Nam	13/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		7,4
872	15,02769	Trần Nhật	Minh	Nam	22/10/1997	C510205	Sóc Trăng	Huyện Trần Đề	1		7,6
873	15,03331	Phạm Thanh	Minh	Nam	24/09/1997	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	2		7,6
874	15,04396	Bùi Quang	Minh	Nam	12/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		7,9
875	15,04496	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	24/04/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	2NT		6,9
876	15,0385	Nguyễn Hữu Ái	My	Nữ	29/08/1996	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		6,2
877	15,03986	Quách Ái Trâm	My	Nữ	20/09/1996	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	2		6,3
878	15,03675	Giáp Thị	My	Nữ	10/06/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,5
879	15,03874	Hồ Xuân	Nam	Nam	12/05/1996	C480201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		5,6
880	15,02561	Lương Bá	Nam	Nam	30/04/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		5,7
881	15,03737	Võ Văn	Nam	Nam	22/10/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ	2NT		6,0
882	15,02734	Đỗ Hoài	Nam	Nam	19/01/1996	C510205	Bình Phước	Huyện Chơn Thành			6,2
883	15,04302	Đoàn Quỳnh	Nam	Nam	06/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,2
884	15,03	Trần Thanh	Nam	Nam	29/11/1997	C510205	Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười			6,3
885	15,02899	Đinh Hữu	Nam	Nam	19/02/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1	1	6,3
886	15,02738	Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	20/09/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,5
887	15,02829	Phạm Thành	Nam	Nam	02/10/1997	C480201	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	2		6,5
888	15,0421	Bùi Chí	Nam	Nam	30/01/1997	C480201	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	1		6,6
889	15,02985	Nguyễn Huỳnh	Nam	Nam	10/01/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	2NT		6,7
890	15,04562	Vũ Nhật	Nam	Nam	17/01/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,7
891	15,02915	Trương Ngọc Phương	Nam	Nam	28/12/1997	C510205	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		6,8
892	15,03329	Trần Phương	Nam	Nam	11/10/1997	C510205	Gia Lai	Thành phố Pleiku	2NT		6,9
893	15,04149	Lê Hoài	Nam	Nam	02/07/1997	C510301	Cần Thơ	Quận Ô Môn	2		7,0
894	15,00999	Trần Văn	Nam	Nam	28/07/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2		7,2
895	15,03927	Cao Thanh	Nam	Nam	18/06/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT	6	7,4
896	15,02833	Nguyễn Phương	Nam	Nam	28/09/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,6
897	15,04066	Nguyễn Văn	Nang	Nam	30/04/1997	C510205	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	2NT		6,9
898	15,04074	Phạm Thị Hằng	Nga	Nữ	30/04/1997	C540204	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,3
899	15,04262	Trần Thị	Ngà	Nữ	28/08/1997	C540204	Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch	2		7,0
900	15,04644	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	27/06/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,1
901	15,02674	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	22/10/1997	C540204	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		6,2
902	15,02602	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	12/02/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		6,3
903	15,02885	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	08/01/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2NT		6,4
904	15,03764	Trịnh Ngọc Kim	Ngân	Nữ	27/09/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	3		6,4
905	15,03961	Hồ Kim	Ngân	Nữ	08/03/1997	C540204	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		6,7
906	15,0339	Huỳnh Đình	Ngân	Nam	17/06/1997	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu			7,2
907	15,0246	Trần Thanh	Nghị	Nam	28/09/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ			6,8
908	15,03767	Danh Trọng	Nghĩa	Nam	09/10/1997	C510201	Kiên Giang	Huyện Giồng Riềng	1		5,7
909	15,0359	Võ Văn	Nghĩa	Nam	14/10/1997	C510201	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	1		5,9
910	15,0395	Kiều Chính	Nghĩa	Nam	12/03/1995	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước	2		5,9
911	15,04349	Đỗ Trọng	Nghĩa	Nam	19/08/1994	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,0

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
912	15,04403	Lâm Hoàng	Nghĩa	Nam	21/12/1997	C510201	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	2		6,3
913	15,03193	Nguyễn Gia	Nghĩa	Nam	01/06/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa	2NT		6,5
914	15,03375	Dương Hữu Đức	Nghĩa	Nam	19/04/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	1		6,6
915	15,04339	Cần Trọng	Nghĩa	Nam	07/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,6
916	15,03128	Mai Bình Hữu	Nghĩa	Nam	29/11/1997	C510205	Bình Phước	Thị xã Phước Long	1		6,7
917	15,03565	Phạm Văn	Nghĩa	Nam	21/08/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,8
918	15,0455	Trần Hoàng	Nghĩa	Nam	30/11/1996	C510301	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		6,8
919	15,04136	Trương Hữu	Nghĩa	Nam	07/07/1997	C510301	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,9
920	15,04118	Huỳnh Trọng	Nghĩa	Nam	02/05/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	3		7,1
921	15,04121	Nguyễn Sỹ Trọng	Nghĩa	Nam	17/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,2
922	15,04556	Nguyễn Đại	Nghĩa	Nam	07/10/1996	C510201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		7,2
923	15,02719	Nguyễn Hoàng Minh	Nghĩa	Nam	07/03/1997	C510201	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,4
924	15,03651	Trần Hoàng	Nghĩa	Nam	05/03/1997	C510301	Bình Phước	Thị xã Phước Long	1		7,4
925	15,04311	Phan Trọng	Nghĩa	Nam	25/01/1997	C510201	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,4
926	15,02853	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	12/11/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Long Thành	2NT		7,5
927	15,04625	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	12/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		8,4
928	15,04093	Đỗ Đức	Nghiep	Nam	17/03/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,2
929	15,02863	Lê Nguyễn Ngân	Nghin	Nam	09/06/1997	C510201	Ninh Thuận	Huyện Thuận Bắc	2NT		6,7
930	15,02755	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	17/11/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,4
931	15,03099	Nguyễn Đặng Kim	Ngọc	Nữ	23/09/1997	C480201	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		7,1
932	15,03232	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	12/09/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,3
933	15,02756	Tạ Thị Minh	Ngọc	Nữ	26/12/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		7,5
934	15,04398	Trần Ngân Hồng	Ngọc	Nữ	02/12/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		8,1
935	15,04579	Nguyễn Thanh	Ngọc	Nam	06/11/1997	C510301	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,6
936	15,03646	Lê Tuấn	Ngọc	Nam	28/02/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	1		6,7
937	15,03701	Cao Hà Xuân	Ngọc	Nam	15/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,1
938	15,03061	Trương Công	Ngọc	Nam	28/07/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		7,2
939	15,03143	Lê Phụng	Nguyên	Nam	15/01/1996	C510201	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	1		5,9
940	15,04254	Trần Chí	Nguyên	Nam	05/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		5,9
941	15,02773	Trần Thanh	Nguyên	Nam	29/06/1997	C510301	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,0
942	15,02886	Trần Thanh	Nguyên	Nam	29/06/1997	C510205	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột			6,0
943	15,03223	Nguyễn Hồng	Nguyên	Nam	20/03/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,1
944	15,0279	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	01/01/1996	C510301	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh			6,3
945	15,04056	Nguyễn Chí	Nguyên	Nam	21/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,9
946	15,03879	Lê Phước	Nguyên	Nam	03/06/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		7,2
947	15,04587	Phạm Phước	Nguyên	Nam	12/08/1997	C510206	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		8,3
948	15,034	Nguyễn Thị Bích	Nguyên	Nữ	16/08/1994	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,2
949	15,03851	Nguyễn Ngọc	Nguyên	Nam	17/05/1995	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		6,7
950	15,02927	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	20/04/1997	C540204	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	2NT		6,4
951	15,03801	Nguyễn Trần Thanh	Nhàn	Nam	01/01/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Giồng Riềng	1		6,1
952	15,03946	Huỳnh Kim	Nhân	Nữ	04/02/1997	C540204	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		8,4
953	15,0312	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	12/07/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		5,6
954	15,03769	Nguyễn Trí	Nhân	Nam	15/12/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Bà Rịa	1		5,9
955	15,02587	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	18/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,1
956	15,04157	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	01/10/1997	C510205	Gia Lai	Huyện Chư Păh	1		6,2
957	15,0394	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	01/10/1997	C510205	Gia Lai	Huyện Chư Păh	1	1	6,2
958	15,04297	Huỳnh Ngọc	Nhân	Nam	24/04/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	1		6,3
959	15,03253	Trần Tài	Nhân	Nam	06/11/1997	C510205	Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh	2NT		6,4
960	15,03263	Lê Trọng	Nhân	Nam	28/02/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 7	3		6,4
961	15,03614	Phan Nguyễn Triệu	Nhân	Nam	26/08/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,4
962	15,03165	Nguyễn Văn	Nhân	Nam	20/04/1995	C480201	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	1		6,6
963	15,0389	Dương Thành	Nhân	Nam	31/05/1995	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,6
964	15,04018	Huỳnh Lê Hiếu	Nhân	Nam	10/10/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Kiên Lương	1		6,6
965	15,04117	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	25/02/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,6

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
966	15,02811	Lê Trọng	Nhân	Nam	14/04/1997	C510205	Tiền Giang	Huyện Châu thành	1		7,5
967	15,028	Võ Thành	Nhân	Nam	20/07/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh	1		7,5
968	15,03301	Trần Quang	Nhấn	Nam	11/10/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2		6,6
969	15,01546	Tạ Minh	Nhật	Nam	30/07/1997	C510205	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		5,7
970	15,03462	Nguyễn Hà	Nhật	Nam	02/06/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,0
971	15,02925	Võ Minh	Nhật	Nam	20/09/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,1
972	15,03238	Đoàn Minh	Nhật	Nam	15/07/1997	C510201	An Giang	Huyện Chợ Mới	2NT		6,2
973	15,03833	Nguyễn Minh	Nhật	Nam	26/05/1997	C510206	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		6,2
974	15,00905	Tổng Phước	Nhật	Nam	11/01/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,4
975	15,02917	Tạ Quốc	Nhật	Nam	22/10/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,4
976	15,02819	Phan Hữu	Nhật	Nam	25/09/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,5
977	15,03613	Dương Văn	Nhật	Nam	01/01/1996	C510201	Đồng Nai	Huyện Long Thành	2NT		6,5
978	15,03637	Tạ Quang	Nhật	Nam	29/08/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2		6,5
979	15,0425	Nguyễn Quốc	Nhật	Nam	24/06/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn			6,7
980	15,03228	Đoàn Công	Nhật	Nam	01/11/1997	C510205	Bình Phước	Thị xã Phước Long	1		7,0
981	15,04452	Lưu Hoàng	Nhi	Nữ	27/08/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Ân	2NT		5,8
982	15,02908	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	06/02/1996	C540204	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		6,0
983	15,02568	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	19/02/1997	C540204	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		6,5
984	15,0258	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	19/09/1997	C540204	Bình Thuận	Thị xã La Gi			6,9
985	15,04146	Phạm Ái	Nhi	Nữ	16/03/1997	C480201	Khánh Hoà	Thành phố Cam Ranh	2		7,4
986	15,0284	Võ Thị Thùy	Nhi	Nữ	15/01/1997	C540204	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	2NT		7,5
987	15,02974	Hồ Nguyễn Đồng	Nhi	Nam	15/01/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	1		6,1
988	15,03367	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nam	05/11/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,5
989	15,04097	Ứng A	Nhi	Nam	23/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1	3		6,2
990	15,03279	Nguyễn Tấn	Nhị	Nam	25/03/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,1
991	15,02527	Ngô Thời	Nhiệm	Nam	19/07/1997	C510205	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		6,6
992	15,02528	Ngô Thời	Nhiệm	Nam	19/07/1997	C510205	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		6,6
993	15,03323	Nguyễn Thị Thanh	Nhiên	Nữ	22/11/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,5
994	15,03058	Cao Thanh	Nhiên	Nam	11/10/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
995	15,03682	Trần Tử	Nhiều	Nam	28/08/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
996	15,03856	Phạm Tấn	Nhiều	Nam	15/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè	2		6,1
997	15,03175	Nguyễn Văn	Nhiều	Nam	30/01/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	1		6,4
998	15,0381	Lương Hoài	Nhớ	Nam	08/09/1996	C480201	Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười	2NT		6,1
999	15,03325	Phan Văn	Nhơn	Nam	09/10/1997	C510205	Phú Yên	Thị Xã Sông Cầu			5,8
1000	15,0098	Nguyễn Hoài	Nhơn	Nam	26/06/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	1		6,5
1001	15,03297	Huỳnh Quang	Như	Nam	08/10/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,0
1002	15,04284	Hoàng Thị Tuyết	Nhung	Nữ	28/09/1997	C540204	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		7,0
1003	15,04503	Nguyễn Cẩm	Nhung	Nữ	25/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,4
1004	15,03442	Nguyễn Minh	Nhựt	Nam	17/10/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		5,6
1005	15,0272	Lý Minh	Nhựt	Nam	27/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			6,5
1006	15,04272	Trần Minh	Nhựt	Nam	02/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		7,1
1007	15,04231	Nguyễn Thị Trúc	Nị	Nữ	07/05/1997	C540204	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		6,4
1008	15,03247	Phan Duy	Ninh	Nam	24/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,5
1009	15,02992	Lê Ngọc	Nông	Nam	26/09/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh			6,0
1010	15,03922	Nguyễn Thị Xuân	Nương	Nữ	01/04/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,6
1011	15,02751	Trần Thị Kiều	Oanh	Nữ	10/08/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	2		6,5
1012	15,02564	Nguyễn Thị Kim	Oanh	Nữ	19/06/1997	C540204	Thanh Hoá	Huyện Nông Cống	2NT		7,2
1013	15,03122	Võ Văn	Oay	Nam	10/12/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,5
1014	15,04616	Nguyễn Liêu Nhựt	Pháp	Nam	19/10/1997	C510205	An Giang	Huyện Châu Phú	2NT		7,7
1015	15,01502	Phan Hoàng	Phát	Nam	26/11/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,6
1016	15,04593	Trương Tấn	Phát	Nam	25/09/1996	C510301	Bình Định	Huyện Văn Canh	1		5,6
1017	15,02931	Nguyễn Tiến	Phát	Nam	02/02/1996	C510201	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		5,9
1018	15,04068	Châu Nhật	Phát	Nam	15/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,2
1019	15,03626	Võ Ngọc	Phát	Nam	15/01/1995	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Ân	1	3	6,4

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1020	15,03695	Huỳnh Trọng	Phát	Nam	21/04/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,4
1021	15,02929	Nguyễn Như	Phát	Nam	15/11/1997	C510205	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	1		6,5
1022	15,0416	Huỳnh Tấn	Phát	Nam	30/11/1996	C510206	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,5
1023	15,03768	Đinh Toàn	Phát	Nam	05/08/1997	C510206	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,6
1024	15,03282	Lê Tấn	Phát	Nam	10/07/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,7
1025	15,04391	Nguyễn Đức	Phát	Nam	01/07/1997	C510301	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		6,7
1026	15,02084	Vũ Thạnh	Phát	Nam	08/06/1996	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Long Điền	2NT		7,0
1027	15,0353	Lại Hoàng Minh	Phát	Nam	18/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		7,2
1028	15,03197	Nguyễn Thuận	Phát	Nam	15/01/1997	C510205	Đồng Tháp	Huyện Châu Thành	2NT		7,3
1029	15,03733	Trần Kim	Phát	Nam	31/05/1994	C510201	Bình Dương	Thị xã Bến Cát	3		7,3
1030	15,04324	Diệp Đương	Phát	Nam	13/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			7,3
1031	15,04012	Phạm Tấn	Phát	Nam	16/08/1997	C510201	Long An	Huyện Đức Huệ	2NT		7,4
1032	15,04534	Võ Thiện	Phát	Nam	26/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,5
1033	15,0261	Trần Dũng	Phê	Nam	25/10/1997	C510301	Gia Lai	Thị xã An Khê	1		6,0
1034	15,02832	Nguyễn Khôi	Phê	Nam	03/05/1997	C510201	Long An	Huyện Đức Huệ	2NT		7,1
1035	15,02542	Suốt Ra	Phết	Nam	29/02/1996	C510205	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	1	1	5,9
1036	15,02092	Lê Văn	Phi	Nam	14/02/1996	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		6,4
1037	15,03642	Nguyễn Văn	Phi	Nam	29/07/1996	C480201	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		5,8
1038	15,03359	Nguyễn Thanh	Phi	Nam	21/06/1997	C510205	Bình Dương	Th. phố Thủ Dầu Một	2		7,0
1039	15,04354	Nguyễn Mậu Hoàng	Phi	Nam	09/09/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc			7,2
1040	15,03125	Mẫu Tắc	Phí	Nam	08/11/1994	C510205	Lâm Đồng	Huyện Di Linh			6,1
1041	15,02729	Nguyễn	Phin	Nam	04/10/1995	C510201	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		6,6
1042	15,03298	Võ Thanh	Phong	Nam	22/04/1995	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Đức phở	2NT		5,8
1043	15,01608	Trần Thanh	Phong	Nam	28/08/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		5,8
1044	15,03752	Tô Trúc Thanh	Phong	Nam	08/10/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		5,9
1045	15,03586	Lê Thanh	Phong	Nam	24/01/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,0
1046	15,02881	Mai Thanh	Phong	Nam	26/08/1997	C510201	Gia Lai	Huyện Chư Prông	1		6,1
1047	15,04494	Trần Long	Phong	Nam	04/08/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Lý Sơn	1		6,2
1048	15,03875	Trần Thanh	Phong	Nam	22/07/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Bà Rịa	2		6,3
1049	15,03993	Nguyễn Văn Hoài	Phong	Nam	18/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,3
1050	15,03087	Bạch Đức Hoài	Phong	Nam	21/02/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,4
1051	15,03358	Dương Minh	Phong	Nam	28/09/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,4
1052	15,02952	Trần Phùng Lê	Phong	Nam	10/11/1997	C510205	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải			6,5
1053	15,0414	Dương Khải	Phong	Nam	05/01/1996	C510301	Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	2NT		6,6
1054	15,02694	Phạm Phương Thanh Phong	Nam	Nam	10/08/1997	C510301	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,8
1055	15,02724	Phan Thanh	Phong	Nam	26/08/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			6,9
1056	15,04281	Nguyễn Ngọc	Phong	Nam	20/09/1997	C510301	Long An	Thành phố Tân An	2		7,3
1057	15,03942	Trần Đức Hoàng	Phong	Nam	24/01/1997	C510301	Thanh Hoá	Thị xã Sầm Sơn			7,4
1058	15,00935	Mai Chấn	Phong	Nam	19/12/1997	C510301	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		7,5
1059	15,04411	Nguyễn Hoài	Phong	Nam	03/10/1997	C510206	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	2		7,8
1060	15,04221	Đặng Võ Ti	Phông	Nam	11/09/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Đức phở	1		6,2
1061	15,04131	Nguyễn Văn	Phú	Nam	11/11/1996	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	2NT		5,7
1062	15,02947	Nguyễn Minh	Phú	Nam	10/11/1993	C510301	Kiên Giang	Thành phố Rạch Giá	1		5,8
1063	15,02691	Nguyễn Ngọc	Phú	Nam	27/11/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	1		6,0
1064	15,01495	Nguyễn Hoài	Phú	Nam	15/12/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,1
1065	15,04127	Trương Kỳ	Phú	Nam	13/06/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,1
1066	15,04134	Ngô Ngân Đại	Phú	Nam	22/04/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng			6,2
1067	15,03167	Dương Phong	Phú	Nam	24/07/1996	C510201	Lâm Đồng	Huyện Đa Têh	2		6,3
1068	15,03047	Vưu Thiên	Phú	Nam	01/01/1997	C510205	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	2		6,5
1069	15,03519	Võ Duy	Phú	Nam	12/09/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	3		6,5
1070	15,04607	Nguyễn Văn	Phú	Nam	20/04/1996	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,6
1071	15,02563	Trịnh Ngọc	Phú	Nam	15/07/1996	C510205	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	2		6,7
1072	15,03108	Nguyễn Hồng	Phú	Nam	11/12/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			6,7
1073	15,03164	Đỗ Minh	Phú	Nam	04/09/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,0

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1074	15,03181	Võ Đại	Phú	Nam	12/12/1993	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		7,0
1075	15,0319	Nguyễn Văn	Phú	Nam	20/09/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Long Thành	1		7,0
1076	15,03463	Nguyễn Hồng Thiên	Phú	Nam	08/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,6
1077	15,03854	Trương Văn	Phú	Nam	04/02/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		7,6
1078	15,03726	Trần Đại	Phú	Nam	14/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,7
1079	15,03862	Nguyễn Đình	Phúc	Nam	15/02/1997	C510301	Gia Lai	Huyện Chư Prông	1		5,6
1080	15,02582	Đặng Kim	Phúc	Nam	04/05/1996	C510301	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	1		5,8
1081	15,02129	Kiều Xuân	Phúc	Nam	07/08/1997	C510205	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	1		5,9
1082	15,04549	Dương Kim	Phúc	Nam	20/02/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	1		6,1
1083	15,03145	Lê Hoàng	Phúc	Nam	01/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			6,2
1084	15,02567	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	14/12/1997	C510201	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	1		6,4
1085	15,02971	Nguyễn Trọng	Phúc	Nam	27/10/1997	C480201	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		6,5
1086	15,04484	Lê Minh	Phúc	Nam	15/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,5
1087	15,03176	Hồ Văn	Phúc	Nam	04/04/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2		6,6
1088	15,0438	Trần Diệu	Phúc	Nam	20/04/1997	C510201	An Giang	Huyện Thoại Sơn	1		6,6
1089	15,04571	Lương Hùng	Phúc	Nam	21/02/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		6,7
1090	15,02744	Lê Hoàng	Phúc	Nam	05/12/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu			6,8
1091	15,03461	Võ Mạnh	Phúc	Nam	22/06/1997	C510201	Đồng Tháp	Huyện Hồng Ngự	2NT		6,9
1092	15,04038	Văn Đình	Phúc	Nam	18/12/1996	C510301	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,9
1093	15,01564	Huỳnh Lai	Phúc	Nam	25/01/1997	C510206	Long An	Huyện Tân Trụ	2NT		6,9
1094	15,04173	Thạch Văn	Phúc	Nam	23/04/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		7,1
1095	15,04271	Nguyễn Hồng	Phúc	Nam	22/10/1997	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	1		7,1
1096	15,03056	Lê Hồng	Phúc	Nam	16/11/1997	C510206	Khánh Hoà	Thành phố Cam Ranh			7,4
1097	15,04228	Nguyễn Toàn Thiện	Phúc	Nam	22/01/1997	C510301	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	2		7,5
1098	15,03616	Nguyễn Minh	Phụng	Nam	28/11/1996	C510301	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	1		5,6
1099	15,02654	Lê Thành	Phước	Nam	08/08/1996	C480201	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	1		6,0
1100	15,02955	Phạm Hữu	Phước	Nam	14/08/1995	C480201	Long An	Huyện Tân Thạnh	2NT		6,3
1101	15,03967	Mai Hồng	Phước	Nam	22/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		6,4
1102	15,03516	Thân Ngọc	Phước	Nam	25/04/1997	C510201	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phong Điền	2NT		6,5
1103	15,04316	Huỳnh Tấn	Phước	Nam	16/07/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,5
1104	15,0376	Lê Hữu	Phước	Nam	12/03/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	1		7,4
1105	15,04094	Nguyễn Hữu	Phước	Nam	22/05/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		8,0
1106	15,04676	Huỳnh Thị	Phương	Nữ	10/11/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,5
1107	15,03451	Bùi Thị Thanh	Phương	Nữ	03/03/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,8
1108	15,02919	Dương Đình	Phương	Nam	05/08/1997	C510201	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	1		5,7
1109	15,02592	Nguyễn Quốc	Phương	Nam	31/12/1996	C510301	Bình Định	Huyện Tây Sơn	2NT	2	6,2
1110	15,02709	Nguyễn Ngọc	Phương	Nam	07/05/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		6,2
1111	15,03522	Võ Anh	Phương	Nam	28/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,2
1112	15,04003	Lê Minh	Phương	Nam	21/05/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
1113	15,02997	Phạm Thanh	Phương	Nam	04/10/1996	C510205	Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười	2NT		6,4
1114	15,03363	Đỗ Anh	Phương	Nam	15/10/1996	C510205	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	1	1	6,4
1115	15,04103	Nguyễn Vũ Hoàng	Phương	Nam	23/09/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,8
1116	15,04501	Nguyễn Đức	Phương	Nam	30/03/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Ana	1	1	7,0
1117	15,04401	Lai Hùng	Phương	Nam	08/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		7,1
1118	15,04299	Lữ Thanh	Phương	Nam	26/04/1995	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,9
1119	15,03999	Lữ Thanh	Phương	Nam	26/04/1995	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,9
1120	15,02754	Vũ Thị Bích	Phương	Nữ	05/04/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Đức Linh			6,2
1121	15,03662	Hồ Thị	Phương	Nữ	07/02/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,8
1122	15,04643	Trần Thị Ngọc	Phương	Nữ	17/08/1996	C540204	Khánh Hoà	Huyện Cam Lâm	2NT		7,4
1123	15,04057	Phạm Thanh	Quan	Nam	26/04/1997	C510206	Long An	Huyện Tân Trụ	2NT		7,5
1124	15,02476	Nguyễn Tiến	Quân	Nữ	27/02/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,4
1125	15,0282	Đào Minh	Quân	Nam	06/11/1996	C480201	Gia Lai	Huyện Đức Cơ	2NT	1	5,8
1126	15,03072	Cao Trần	Quân	Nam	28/05/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		6,3
1127	15,0273	Nguyễn Tiến	Quân	Nam	27/02/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		6,4

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1128	15,03785	Nguyễn	Quân	Nam	05/09/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	2		6,7
1129	15,03534	Nguyễn Minh	Quân	Nam	26/09/1993	C480201	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	2		7,1
1130	15,03531	Lâm Du	Quân	Nam	05/11/1996	C510206	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	3		7,2
1131	15,04013	Hoàng Minh	Quân	Nam	18/07/1996	C480201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		7,6
1132	15,04277	Dương Nghĩa	Quân	Nam	25/02/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,0
1133	15,03173	Hoàng Mạnh	Quang	Nam	06/09/1994	C510205	Hà Tĩnh	Huyện Thạch Hà	2NT		5,9
1134	15,03309	Nguyễn	Quang	Nam	19/03/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		5,9
1135	15,01939	Nguyễn Minh	Quang	Nam	25/11/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,1
1136	15,02982	Đặng Điền	Quang	Nam	01/01/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn			6,3
1137	15,0415	Hoàng xuân	Quang	Nam	23/12/1997	C510205	Gia Lai	Huyện Chư Pưh	1		7,0
1138	15,04623	Phạm Minh	Quang	Nam	14/09/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	1		7,2
1139	15,04148	Nguyễn Công	Quang	Nam	04/02/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	2		7,3
1140	15,03795	Nguyễn Hữu	Quang	Nam	22/12/1997	C510301	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,4
1141	15,01818	Phù	Quất	Nam	24/02/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức			5,5
1142	15,03024	Huỳnh Tứ	Quí	Nam	01/06/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,2
1143	15,01934	Đỗ Minh	Quí	Nam	17/03/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	2NT		6,5
1144	15,03448	Huỳnh Duy	Quốc	Nam	03/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,3
1145	15,04453	Nguyễn Văn	Quốc	Nam	25/02/1996	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,3
1146	15,03968	Nguyễn Vũ	Quốc	Nam	29/01/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,7
1147	15,04466	Nguyễn Đình	Quốc	Nam	16/11/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,9
1148	15,04647	Nguyễn Minh	Quốc	Nam	18/09/1997	C510205	Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	1		7,4
1149	15,04087	Ngô Tấn	Quốc	Nam	05/09/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		8,3
1150	15,04612	Nguyễn Thanh	Quy	Nam	01/01/1996	C510301	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		5,5
1151	15,0267	Võ Tuấn	Quy	Nam	30/11/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,3
1152	15,03025	Vũ Duy	Quý	Nam	28/04/1995	C510206	Đồng Nai	Thị xã Long Khánh	2		5,8
1153	15,02669	Nguyễn Thanh	Quý	Nam	12/02/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			6,4
1154	15,03236	Nguyễn Quốc	Quý	Nam	08/10/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,5
1155	15,03029	Vũ Ngọc	Quý	Nam	06/03/1996	C510201	Thanh Hoá	Huyện Nga Sơn	2NT	6	6,8
1156	15,04218	Hồ Thúc	Quý	Nam	25/09/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa			7,2
1157	15,0443	Nguyễn Phú	Quý	Nam	08/11/1997	C510301	Trà Vinh	Thành phố Trà Vinh	1		8,1
1158	15,00976	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	Nữ	27/11/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,5
1159	15,04461	Trần Thị Tổ	Quyên	Nữ	30/01/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			6,8
1160	15,03666	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	10/12/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	1		7,0
1161	15,0459	Phạm Thị Thảo	Quyên	Nữ	07/05/1997	C540204	Bến Tre	Huyện Ba Tri	3		7,2
1162	15,03972	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	Nữ	12/11/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,3
1163	15,04139	Võ Văn	Quyên	Nam	13/02/1996	C510201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,3
1164	15,02193	Vũ Hoàng	Quyên	Nam	04/10/1996	C510205	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	2NT		6,6
1165	15,01178	Nguyễn Hữu	Quyên	Nam	30/09/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	1		6,6
1166	15,04546	Đỗ Như	Quỳnh	Nữ	04/11/1997	C540204	Gia Lai	Huyện Chư Prông	1		6,7
1167	15,03022	Ngô Trọng	Quỳnh	Nam	03/01/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		5,8
1168	15,03895	Nguyễn Phương Bảo	Quỳnh	Nam	13/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,7
1169	15,04628	Lê Quang	Quỳnh	Nam	02/06/1997	C480201	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,9
1170	15,04407	Lê Vũ	Quỳnh	Nam	04/07/1997	C480201	Tây Ninh	Huyện Châu Thành	2		7,0
1171	15,03307	Đàng Văn	Rắc	Nam	07/07/1995	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước			5,5
1172	15,04029	Nguyễn Văn	Rõ	Nam	19/12/1997	C510301	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	2NT		7,1
1173	15,04531	Huỳnh Nhựt Hằng	Ry	Nam	17/11/1997	C510301	Long An	Huyện Đức Huệ	2NT		6,6
1174	15,04417	Đàm Thị Ngọc	Sang	Nữ	09/04/1997	C540204	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	2NT		6,4
1175	15,03896	Nguyễn Văn	Sang	Nam	07/03/1992	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	2		5,6
1176	15,04359	Trần Thiện	Sang	Nam	12/07/1997	C480201	Long An	Thành phố Tân An	2		5,8
1177	15,03528	Trương Thành	Sang	Nam	07/07/1995	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,0
1178	15,03959	Trần Tấn	Sang	Nam	14/02/1997	C510301	Long An	Thành phố Tân An	2		6,3
1179	15,04589	Lưu Hữu	Sang	Nam	08/08/1997	C510205	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		6,3
1180	15,0427	Đặng Hoàng	Sang	Nam	01/08/1997	C510205	Gia Lai	Thành phố Pleiku	1		6,4
1181	15,03257	Bùi Văn	Sang	Nam	04/02/1995	C510301	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		6,5

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1182	15,03594	Ngô Phước	Sang	Nam	25/11/1996	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 4	3		6,5
1183	15,04395	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	08/04/1997	C510301	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	2NT		6,6
1184	15,03544	Đặng Hoàng	Sang	Nam	15/04/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Tân Phú	2NT		6,7
1185	15,04613	Nguyễn Quốc	Sang	Nam	18/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,7
1186	15,03898	Lý Minh	Sang	Nam	29/04/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đốp	1		6,8
1187	15,04092	Phan Tiết Đình	Sang	Nam	29/01/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	2		6,8
1188	15,02912	Phạm Minh	Sang	Nam	11/01/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	1		6,9
1189	15,04267	Nguyễn Thanh	Sang	Nam	13/04/1993	C510206	Kiên Giang	Huyện Giồng Riềng			7,0
1190	15,04475	Nguyễn Ngô Hoàng	Sang	Nam	22/08/1997	C510301	Bình Phước	Thị xã Bình Long	1		7,1
1191	15,02875	Phạm Tấn	Sang	Nam	05/05/1994	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,3
1192	15,03226	Tạ Thanh	Sang	Nam	07/03/1997	C510206	Bình Phước	Thị xã Phước Long	1		7,3
1193	15,04249	Nguyễn	Sang	Nam	15/10/1997	C510201	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		7,5
1194	15,04372	Võ Tấn	Sang	Nam	20/06/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		7,5
1195	15,02959	Nguyễn Quang	Sáng	Nam	12/12/1996	C510206	Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch			5,8
1196	15,02958	Trần Quang	Sáng	Nam	12/12/1996	C510206	Quảng Bình	Huyện Quảng Trạch			5,8
1197	15,04646	Hoàng Xuân	Séc	Nam	26/07/1996	C510205	Gia Lai	Huyện KBang	3	7	5,8
1198	15,02704	Hồ Phú	Sĩ	Nam	18/04/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			7,1
1199	15,03069	Cao Văn	Sinh	Nam	05/09/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	2NT		6,2
1200	15,02818	Phạm Tấn	Sinh	Nam	06/05/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Cát	2NT		6,9
1201	15,0374	Hoàng Minh	Sơn	Nam	29/03/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		5,9
1202	15,03382	Điều Hồng	Sơn	Nam	22/12/1996	C510205	Bình Phước	Thị xã Bình Long	1		6,0
1203	15,04039	Huỳnh Thanh	Sơn	Nam	28/09/1997	C510205	Gia Lai	Thành phố Pleiku	1		6,0
1204	15,01477	Hà Minh	Sơn	Nam	18/02/1995	C510205	Phú Yên	Huyện Sơn Hòa	1		6,1
1205	15,03319	Nguyễn Duy	Sơn	Nam	14/11/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,1
1206	15,03365	Phạm Ngọc	Sơn	Nam	12/12/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,2
1207	15,02792	Phạm Hồng	Sơn	Nam	26/09/1997	C510206	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành			6,3
1208	15,0297	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	20/03/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,4
1209	15,02916	Nguyễn Văn	Sơn	Nam	20/04/1996	C510301	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		6,4
1210	15,03802	Lại Đình	Sơn	Nam	16/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,4
1211	15,0463	Nguyễn Tiến	Sơn	Nam	07/07/1997	C510206	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,6
1212	15,03054	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	24/07/1997	C510206	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc			6,9
1213	15,02646	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Sơn	Nam	16/07/1997	C510205	Long An	Thành phố Tân An			7,0
1214	15,04413	Vũ Hữu	Sơn	Nam	13/04/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		7,2
1215	15,03275	Lê Hoàng	Sơn	Nam	08/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		7,3
1216	15,03579	Nguyễn Minh	Sơn	Nam	25/04/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		7,3
1217	15,04283	Đỗ Hoàng	Sơn	Nam	13/08/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,4
1218	15,02323	Phùng Con	Sóng	Nam	20/06/1996	C510205	Đắk Lắk	Huyện Cư Mgar	1	1	6,0
1219	15,03409	Trương Đặng Mỹ	Sương	Nữ	10/01/1997	C480201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,0
1220	15,02706	Trần Thị Hồng	Sương	Nữ	01/02/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,6
1221	15,03454	Ngô Văn	Sửu	Nam	06/01/1997	C510201	Gia Lai	Thành phố Pleiku	1		6,4
1222	15,0219	Trần A	Sửu	Nam	28/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		7,8
1223	15,0322	Nguyễn Quang	Sỹ	Nam	17/10/1997	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	1		6,2
1224	15,04113	Huỳnh Minh	Tài	Nam	25/09/1995	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1	3		5,8
1225	15,0286	Nguyễn Phú	Tài	Nam	03/11/1997	C510206	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất			6,0
1226	15,03564	Nguyễn Tấn	Tài	Nam	07/12/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT		6,0
1227	15,02675	Bùi Tấn	Tài	Nam	12/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,3
1228	15,02783	Lê Văn	Tài	Nam	23/06/1996	C510201	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức			6,3
1229	15,03974	Lý Hưng	Tài	Nam	01/09/1987	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		6,3
1230	15,02983	Nguyễn Ngọc	Tài	Nam	26/03/1997	C510206	Đồng Nai	Thị xã Long Khánh	2		6,4
1231	15,03625	Phan Tấn	Tài	Nam	02/01/1997	C480201	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	2		6,4
1232	15,04217	Nguyễn Đức	Tài	Nam	06/02/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,4
1233	15,03757	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	28/01/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	1		6,5
1234	15,02941	Lê Trương Đức	Tài	Nam	02/05/1997	C510201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,6
1235	15,03754	Trương Công Đức	Tài	Nam	04/02/1997	C510206	Gia Lai	Thành phố Pleiku	1	6	6,7

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1236	15,03884	Bùi Phước	Tài	Nam	03/08/1997	C510301	Quảng Trị	Huyện Hải Lăng	2		7,1
1237	15,04031	Trần Anh	Tài	Nam	17/05/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6			7,1
1238	15,02817	Nguyễn Thu	Tâm	Nữ	15/10/1997	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
1239	15,03094	Phạm Thanh	Tâm	Nam	13/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 9	3		6,0
1240	15,03514	Hồ Thanh	Tâm	Nam	29/06/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,0
1241	15,03877	Bạch Anh	Tâm	Nam	25/07/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,0
1242	15,04661	Hoàng Minh	Tâm	Nam	01/10/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	2NT		6,1
1243	15,03686	Dương Minh	Tâm	Nam	31/05/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,2
1244	15,03281	Nguyễn Phùng Thiên	Tâm	Nam	12/04/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	1		6,3
1245	15,03607	Lê Minh	Tâm	Nam	08/05/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,3
1246	15,03606	Lê Minh	Tâm	Nam	08/05/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,3
1247	15,03605	Lâm Hoàng	Tâm	Nam	26/10/1997	C510201	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		6,4
1248	15,03629	Trần Thanh	Tâm	Nam	02/10/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,5
1249	15,0324	Võ Thanh	Tâm	Nam	17/09/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành			6,6
1250	15,03676	Dương Minh	Tâm	Nam	09/07/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	1		6,6
1251	15,04247	Hồ Nhựt	Tâm	Nam	23/06/1997	C480201	Đồng Tháp	Huyện Lấp Vò	1		6,6
1252	15,02045	Phạm Chí	Tâm	Nam	19/09/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	1		6,8
1253	15,03894	Đồng Sĩ	Tâm	Nam	05/02/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 1	3		6,8
1254	15,02807	Phạm Chí	Tâm	Nam	19/09/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,8
1255	15,02395	Huỳnh Trọng	Tâm	Nam	16/10/1996	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,9
1256	15,03543	Trần Phương	Tâm	Nam	30/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 3	3		6,9
1257	15,04392	Phạm Nhật	Tân	Nam	09/11/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		5,9
1258	15,03245	Phạm Duy	Tân	Nam	06/05/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	2NT		6,0
1259	15,03694	Võ Duy	Tân	Nam	09/09/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2		6,1
1260	15,02743	Kiều Thanh	Tân	Nam	20/11/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,7
1261	15,02622	Lương Tấn	Tân	Nam	09/12/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		6,7
1262	15,03569	Nguyễn Thiện	Tân	Nam	09/04/1997	C480201	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	2		6,7
1263	15,04544	Đào Phú	Tân	Nam	09/02/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,7
1264	15,02732	Trần Hải	Tân	Nam	04/11/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,9
1265	15,02747	Mai Thành	Tân	Nam	24/10/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu			7,0
1266	15,04655	Nguyễn Hoàng	Tân	Nam	27/07/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	2NT		7,1
1267	15,01265	Nguyễn Chánh	Tấn	Nam	25/08/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ	2NT		6,3
1268	15,03996	Nguyễn Thanh	Tàu	Nam	05/02/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,3
1269	15,02745	Lưu Bình	Tây	Nam	23/05/1997	C510301	Long An	Huyện Đức Huệ	2NT		6,8
1270	15,0293	Huỳnh Công	Thạch	Nam	13/10/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi			6,0
1271	15,02943	Nguyễn Diên	Thạch	Nam	20/03/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	2NT		6,5
1272	15,01501	Dương Đình	Thạch	Nam	24/04/1997	C510201	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	2NT		6,5
1273	15,03628	Trịnh Ngọc	Thái	Nam	18/07/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		5,7
1274	15,03103	Đỗ Thành	Thái	Nam	13/03/1995	C480201	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		6,6
1275	15,03184	Dương Quốc	Thái	Nam	17/08/1997	C510201	Bến Tre	Thành phố Bến Tre	1		6,9
1276	15,033	Lê Quốc	Thái	Nam	12/01/1997	C510206	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		7,0
1277	15,03965	Bùi Quang	Thái	Nam	1997	C510201	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,3
1278	15,0406	Nguyễn Trần Quốc	Thái	Nam	18/01/1997	C510201	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	1		7,3
1279	15,03699	Trần Hoàng	Thái	Nam	27/07/1994	C510201	Bến Tre	Huyện Mô Cày Bắc	2NT		7,4
1280	15,04348	Trần Minh	Thái	Nam	04/01/1996	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		7,4
1281	15,04565	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	16/02/1997	C510301	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		7,4
1282	15,03611	Nguyễn Văn	Thái	Nam	20/06/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	3		7,7
1283	15,04502	Nguyễn Văn	Thái	Nam	27/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		7,8
1284	15,02657	Trần Thị Hồng	Thấm	Nữ	14/02/1997	C540204	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	2NT		7,5
1285	15,03546	Hồ Thị Ngọc	Thấm	Nữ	24/11/1997	C540204	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		8,0
1286	15,04361	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	14/01/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		5,5
1287	15,03835	Phạm Hữu	Thắng	Nam	20/11/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	1		5,6
1288	15,0263	Lê Văn	Thắng	Nam	16/04/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,7
1289	15,02702	Huỳnh Đình	Thắng	Nam	10/01/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	1		5,9

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1290	15,0453	Đặng Minh	Thắng	Nam	10/03/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		5,9
1291	15,03078	Lư Anh	Thắng	Nam	17/10/1997	C480201	Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu			6,0
1292	15,03277	Nim Quốc	Thắng	Nam	19/05/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	1		6,0
1293	15,03348	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	20/10/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		6,0
1294	15,04596	Mai Quốc	Thắng	Nam	18/05/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,0
1295	15,01641	Lê Bách	Thắng	Nam	18/01/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức			6,1
1296	15,0428	Nguyễn Quang	Thắng	Nam	04/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,1
1297	15,02711	Lê Đức	Thắng	Nam	20/11/1997	C510201	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,2
1298	15,03904	Phan	Thắng	Nam	06/12/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,2
1299	15,0212	Cao Viết	Thắng	Nam	30/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,2
1300	15,04594	Hà Anh	Thắng	Nam	09/10/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,2
1301	15,01434	Lê Tuấn	Thắng	Nam	20/06/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,3
1302	15,0287	Võ Thanh	Thắng	Nam	29/06/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	2		6,3
1303	15,03391	Trần Văn	Thắng	Nam	10/05/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Ân	2NT		6,3
1304	15,03561	Phạm Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	27/03/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,3
1305	15,0383	Trần Quốc	Thắng	Nam	03/04/1997	C480201	Gia Lai	Huyện Mang Yang	1		6,3
1306	15,04523	Lê Minh	Thắng	Nam	05/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,4
1307	15,02572	Phạm Văn	Thắng	Nam	27/11/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	1		6,5
1308	15,03753	Khuất Duy	Thắng	Nam	06/05/1997	C510201	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	2		6,6
1309	15,03052	Nguyễn Việt	Thắng	Nam	11/03/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,8
1310	15,0369	Nguyễn Kim	Thắng	Nam	05/11/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,8
1311	15,02625	Nguyễn Văn	Thắng	Nam	06/07/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		6,9
1312	15,03865	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	05/08/1997	C510201	Hà Tĩnh	Huyện Hương Sơn	1		7,0
1313	15,02957	Nguyễn Toàn	Thắng	Nam	24/09/1996	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Long Điền	2NT		7,2
1314	15,0444	Nguyễn Sỹ	Thắng	Nam	28/06/1997	C510201	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		7,5
1315	15,02522	Mai Văn	Thắng	Nam	15/01/1997	C510301	Đồng Nai	Thành phố Biên Hoà	2		7,7
1316	15,0424	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	19/02/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		6,2
1317	15,01376	Trần Thị Ngọc	Thanh	Nữ	02/10/1997	C540204	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	1		7,6
1318	15,02864	Hoàng Xuân	Thanh	Nam	01/08/1996	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2NT		6,3
1319	15,03006	Mã Quế	Thanh	Nam	09/01/1996	C480201	Sóc Trăng	Huyện Trần Đề			5,7
1320	15,01336	Phạm Văn	Thanh	Nam	27/06/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,1
1321	15,02865	Hoàng Xuân	Thanh	Nam	01/08/1996	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2NT		6,3
1322	15,03183	Võ Đình Tuấn	Thanh	Nam	25/01/1997	C510206	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	2		6,7
1323	15,041	Nguyễn Quang	Thanh	Nam	03/12/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Đức phở	2NT		6,7
1324	15,02779	Châu Hoài	Thanh	Nam	17/04/1997	C510201	Long An	Huyện Cần Giuộc			7,0
1325	15,04207	Phạm Di	Thanh	Nam	17/03/1997	C480201	Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	2	6	7,2
1326	15,03648	Nguyễn Triệu	Thành	Nữ	11/02/1995	C540204	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi			6,4
1327	15,01803	Trần Quang	Thành	Nam	02/02/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,9
1328	15,04539	Tô Quốc	Thành	Nam	26/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		5,9
1329	15,0269	Trần Xuân	Thành	Nam	02/03/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đốp	2		6,0
1330	15,02532	Nguyễn Duy	Thành	Nam	29/06/1996	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,0
1331	15,03496	Phạm Tấn	Thành	Nam	08/05/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Đức phở	2NT		6,0
1332	15,03316	Phạm Tấn	Thành	Nam	08/05/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Đức phở	2NT		6,0
1333	15,04275	Trần Văn	Thành	Nam	16/05/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,1
1334	15,04618	Nguyễn Phương	Thành	Nam	07/01/1997	C480201	Bình Thuận	Huyện Đức Linh			6,1
1335	15,02551	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	10/06/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,2
1336	15,02634	Dương Tiến	Thành	Nam	02/05/1997	C510301	Bến Tre	Thành phố Bến Tre	2		6,2
1337	15,02703	Đinh Xuân	Thành	Nam	21/03/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đang	1		6,2
1338	15,02764	Ngô Tuấn	Thành	Nam	04/12/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Đức phở	2NT		6,2
1339	15,02847	Nguyễn Tấn	Thành	Nam	17/08/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,2
1340	15,0467	Huỳnh Nguyễn Quang	Thành	Nam	15/01/1997	C510205	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng			6,3
1341	15,03369	Bùi Văn	Thành	Nam	26/12/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,5
1342	15,02771	Trịnh Tín	Thành	Nam	13/10/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh			6,6
1343	15,0441	Thị Hiếu	Thành	Nam	21/11/1997	C510301	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2		6,7

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1344	15,04151	Hà Tấn	Thành	Nam	05/02/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,8
1345	15,03468	Trần	Thành	Nam	31/12/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,9
1346	15,03254	Đoàn Duy	Thành	Nam	04/02/1996	C510201	Đồng Nai	Thị xã Long Khánh			7,0
1347	15,03416	Nguyễn Lê Công	Thành	Nam	08/11/1995	C510201	Long An	Huyện Mộc Hoá	2		7,0
1348	15,04444	Trương Việt	Thành	Nam	20/11/1997	C510201	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	2		7,0
1349	15,03207	Nguyễn Văn	Thao	Nam	22/01/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		7,6
1350	15,03213	Võ Thị Nguyên	Thảo	Nữ	12/01/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		5,7
1351	15,02678	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	18/03/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ			6,1
1352	15,03438	Dương Thị Bích	Thảo	Nữ	30/10/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,5
1353	15,03599	Nguyễn Anh	Thảo	Nữ	13/04/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	2NT		6,6
1354	15,03697	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	18/05/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		6,8
1355	15,03985	Nguyễn Đình	Thảo	Nam	10/08/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT	2	5,6
1356	15,03353	Lê Viết	Thảo	Nam	13/02/1997	C510205	Đắk Nông	Huyện Đắk RLấp	1		5,7
1357	15,03206	Nguyễn Thanh	Thảo	Nam	02/09/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Bình Đại	2NT		6,3
1358	15,03842	Lê Thanh	Thảo	Nam	16/09/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Gò Công Đông	2		8,2
1359	15,02871	Nguyễn Ngọc	Thạo	Nam	13/11/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,1
1360	15,03667	Nguyễn Thành	Thật	Nam	11/10/1997	C510201	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,1
1361	15,02808	Lê Hùng Lâm	Thế	Nam	15/03/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	1		5,6
1362	15,02601	Lê Hùng Lâm	Thế	Nam	15/03/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành			6,3
1363	15,03199	Nguyễn Thị Mai	Thế	Nữ	10/08/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Ân	2	2	6,2
1364	15,02653	Lê Văn	Thép	Nam	12/09/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	2NT		6,4
1365	15,03182	Đinh Trường	Thi	Nam	28/11/1997	C510201	Hà Tĩnh	Huyện Đức Thọ	2NT		6,9
1366	15,02838	Lâm	Thiên	Nam	28/08/1997	C510301	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,6
1367	15,01276	Nguyễn Tấn	Thiên	Nam	03/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	2		7,6
1368	15,04213	Võ Quang	Thiên	Nam	09/11/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		7,6
1369	15,03481	Trần Thị	Thiện	Nữ	13/10/1997	C540204	Quảng Nam	Huyện Hiệp Đức	1		7,2
1370	15,02671	Nguyễn Quốc	Thiện	Nam	06/04/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		5,5
1371	15,0377	Trần Thanh	Thiện	Nam	18/11/1997	C510206	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		5,6
1372	15,04274	Châu Ngọc	Thiện	Nam	26/03/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Đạ Huoai	1		6,0
1373	15,02547	Phan Duy	Thiện	Nam	08/01/1996	C510206	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài			6,4
1374	15,04198	Lê Chí	Thiện	Nam	15/06/1997	C510301	Đồng Nai	Thị xã Long Khánh	2		6,4
1375	15,04645	Võ Minh	Thiện	Nam	15/07/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		6,6
1376	15,03612	Dương Quang	Thiện	Nam	06/01/1993	C510201	Bến Tre	Huyện Châu Thành	2NT		7,0
1377	15,03299	Võ Đức	Thiện	Nam	26/05/1997	C510301	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		7,1
1378	15,04506	Nguyễn Bảo	Thiện	Nam	05/04/1997	C510205	Tiền Giang	Thị xã Cai Lậy	2NT		7,1
1379	15,03743	Phạm Ngọc	Thiện	Nam	24/09/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		7,2
1380	15,04601	Đinh Minh	Thiện	Nam	13/03/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	2NT		7,2
1381	15,0308	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	22/11/1996	C510301	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2		7,7
1382	15,03792	Lê Đức	Thiện	Nam	20/02/1997	C510205	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	2		7,8
1383	15,04105	Lê Đức	Thiện	Nam	20/02/1997	C510201	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	2		7,8
1384	15,03831	Huỳnh Văn	Thiện	Nam	16/01/1997	C540204	Kiên Giang	Huyện Hòn Đất	1		8,2
1385	15,0432	Lê Hải	Thiện	Nam	18/09/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		8,2
1386	15,02683	Nguyễn Hữu	Thiệp	Nam	21/09/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	1	1	6,2
1387	15,02961	Nguyễn Văn	Thiệt	Nam	08/03/1996	C510301	Long An	Huyện Tân Thạnh	2NT		7,0
1388	15,03435	Vũ Hải	Thiếu	Nam	11/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,3
1389	15,03034	Lê Công	Thịnh	Nam	24/12/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,0
1390	15,02605	Lê Khang	Thịnh	Nam	13/12/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	2NT		6,1
1391	15,03624	Huỳnh Đức	Thịnh	Nam	22/12/1997	C510206	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT	3	6,2
1392	15,027	Bùi Hữu	Thịnh	Nam	06/03/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Long Thành	1		6,4
1393	15,02812	Trần Thi	Thịnh	Nam	16/06/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Sơn Hòa	1		6,4
1394	15,0357	Nguyễn Quốc	Thịnh	Nam	10/01/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước			6,5
1395	15,04295	Nguyễn Xuân	Thịnh	Nam	12/12/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,7
1396	15,02569	Trần Lê Phúc	Thịnh	Nam	24/10/1997	C480201	Sóc Trăng	Thị xã Ngã Năm	2NT		7,0
1397	15,02921	Trần Lê Phúc	Thịnh	Nam	24/10/1997	C510205	Sóc Trăng	Thị xã Ngã Năm	2NT		7,0

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1398	15,04434	Hoàng Đình	Thịnh	Nam	22/01/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Lâm Hà	1		7,2
1399	15,03663	Phạm Công	Thịnh	Nam	13/07/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh	1		7,4
1400	15,04448	Nguyễn Phước	Thịnh	Nam	21/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,4
1401	15,0278	Đặng Hữu Quốc	Thịnh	Nam	25/11/1997	C510205	Vĩnh Long	Huyện Trà Ôn			7,5
1402	15,02633	Trần Quốc	Thịnh	Nam	09/11/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Ba Tri	1		7,8
1403	15,04582	Huỳnh Đức	Thịnh	Nam	22/12/1997	C510301	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	2		7,9
1404	15,04315	Đỗ Trọng	Thịnh	Nam	13/12/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	1		8,0
1405	15,02158	Phan Xuân	Thọ	Nam	30/11/1996	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2NT		6,1
1406	15,02854	Nguyễn Đình	Thọ	Nam	17/04/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	1		6,4
1407	15,03939	Nguyễn Đức	Thọ	Nam	18/01/1997	C480201	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình			6,5
1408	15,03824	Bùi Văn	Thọ	Nam	19/06/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	1		6,8
1409	15,04533	Lê Văn	Thọ	Nam	03/06/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Lâm Hà	1		7,0
1410	15,02765	Dương Thị Kim	Thoa	Nữ	16/08/1997	C540204	Quảng Ngãi	Huyện Đức phổ	2NT		6,1
1411	15,03059	Hồ Đình	Thoại	Nam	25/04/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,1
1412	15,03109	Nguyễn Đình	Thoại	Nam	20/09/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	1		6,7
1413	15,03201	Nguyễn Ngọc	Thoảng	Nam	12/10/1997	C480201	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	2		7,5
1414	15,03292	Trần Hữu	Thời	Nam	06/10/1997	C510301	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ			6,4
1415	15,03886	Nguyễn Minh	Thông	Nam	25/08/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,1
1416	15,03414	Trương Hoàng	Thông	Nam	26/12/1995	C510205	Bến Tre	Huyện Ba Tri			6,2
1417	15,03781	Võ Trí	Thông	Nam	31/10/1996	C480201	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		6,3
1418	15,03881	Lê Đình	Thông	Nam	21/09/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	2NT		6,6
1419	15,02937	Dương Minh	Thông	Nam	11/01/1997	C510205	Đắk Nông	Thị xã Gia Nghĩa	1		6,7
1420	15,03445	Lê Minh	Thông	Nam	17/09/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,8
1421	15,04561	Lưu Trí	Thông	Nam	29/08/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		7,1
1422	15,02869	Nguyễn Quốc	Thống	Nam	01/02/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,2
1423	15,03589	Phan Minh	Thống	Nam	29/07/1994	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,4
1424	15,0434	Lê Quang	Thống	Nam	18/09/1997	C510301	An Giang	Huyện Châu Thành	1		6,6
1425	15,04067	Mai Hoài	Thu	Nữ	20/12/1994	C510301	Thái Bình	Huyện Thái Thụy	2NT		6,3
1426	15,03536	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	Nữ	09/11/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		6,6
1427	15,04165	Triệu	Thủ	Nam	17/06/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Thuận Nam	1		6,8
1428	15,03158	Nguyễn Thanh	Thủ	Nam	06/04/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Bến Cầu			7,0
1429	15,04312	Ngô Thị Thanh	Thư	Nữ	27/11/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	2		5,9
1430	15,04457	Lê Thị Trang	Thư	Nữ	15/08/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,3
1431	15,02834	Thiều Quang	Thuận	Nam	14/05/1997	C510301	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	1	1	6,0
1432	15,03215	Lê Minh	Thuận	Nam	03/05/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		6,0
1433	15,03947	Nguyễn Hữu	Thuận	Nam	28/09/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2		6,1
1434	15,04325	Nguyễn Minh	Thuận	Nam	25/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12			6,2
1435	15,03449	Tổng Thành	Thuận	Nam	07/02/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Thạnh Phú	2NT		6,4
1436	15,04081	Nguyễn Đình	Thuận	Nam	16/01/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,9
1437	15,04621	Trần Minh	Thuận	Nam	21/05/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh	1		6,9
1438	15,04238	Nguyễn Ngọc	Thuận	Nam	15/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		7,0
1439	15,04672	Võ Phước	Thuận	Nam	29/10/1997	C510201	Khánh Hoà	Thị xã Ninh Hoà			7,2
1440	15,03573	Trần Trọng	Thức	Nam	05/11/1995	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh			6,1
1441	15,03256	Trịnh Duy	Thức	Nam	11/10/1996	C510201	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		6,5
1442	15,04303	Nguyễn Trí	Thức	Nam	20/10/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		7,2
1443	15,03464	Nguyễn Vũ Minh	Thức	Nam	03/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn			7,5
1444	15,03384	Nguyễn	Thường	Nam	20/04/1994	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	2NT		6,6
1445	15,04419	Lê Thị Nguyễn	Thương	Nữ	12/10/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,6
1446	15,0275	Trần Thị	Thương	Nữ	13/03/1997	C540204	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	2		6,7
1447	15,02831	Bùi Thị	Thương	Nữ	15/09/1997	C540204	Ninh Bình	Huyện Yên Khánh	1		6,8
1448	15,02935	Trần Minh	Thương	Nam	25/09/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,9
1449	15,03545	Đào Công	Thương	Nam	09/09/1996	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,0
1450	15,03839	Võ Văn	Thương	Nam	15/01/1996	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,1
1451	15,03001	Tôn Văn	Thương	Nam	28/09/1996	C480201	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		6,2

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1452	15,0329	Đoàn Anh	Thương	Nam	06/04/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	1		6,2
1453	15,02934	Trần Ngọc	Thương	Nam	25/09/1997	C510205	Gia Lai	Huyện Ia Grai	1		6,5
1454	15,03995	Tất Minh	Thương	Nam	24/04/1997	C480201	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		7,6
1455	15,03934	Trần Viết	Thưởng	Nam	05/09/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè			6,4
1456	15,04075	Nguyễn Trí	Thương	Nam	07/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		6,4
1457	15,04055	Lê Thị Ngọc	Thúy	Nữ	10/11/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		6,3
1458	15,02376	Nông Thị Thu	Thủy	Nữ	14/10/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đạ Tẻh	1	1	5,9
1459	15,02523	Nông Thị Thu	Thủy	Nữ	14/10/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đạ Tẻh	1	1	5,9
1460	15,03386	Đinh Thị Bích	Thủy	Nữ	04/05/1997	C540204	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,8
1461	15,02672	Huỳnh Thị	Tiệm	Nữ	16/08/1997	C480201	Bình Định	Huyện Tây Sơn	1		7,1
1462	15,03057	Huỳnh Thị	Tiệm	Nữ	16/08/1997	C480201	Bình Định	Huyện Tây Sơn	1		7,1
1463	15,04144	Cao Thủy	Tiên	Nữ	09/04/1995	C480201	Sóc Trăng	Huyện Mỹ Xuyên	1		6,0
1464	15,01872	Phan Văn	Tiên	Nam	02/02/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
1465	15,02936	Trần Văn	Tiên	Nam	02/04/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,4
1466	15,04404	Võ Khánh	Tiên	Nam	02/01/1997	C510201	Đồng Nai	Huyện Long Thành	2NT		6,5
1467	15,0417	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	10/07/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2		7,7
1468	15,00975	Lương Văn	Tiến	Nam	26/09/1997	C510201	Gia Lai	Huyện Chư Prông	1		5,5
1469	15,03174	Đặng Văn	Tiến	Nam	20/08/1997	C510201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,2
1470	15,04323	Nguyễn Nam	Tiến	Nam	04/07/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		6,2
1471	15,04602	Hoàng Phan Thanh	Tiến	Nam	10/05/1997	C510301	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		6,4
1472	15,0368	Lê Thành	Tiến	Nam	10/03/1997	C480201	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	2NT		6,5
1473	15,04179	Phan Trọng	Tiến	Nam	30/03/1997	C510301	Hà Tĩnh	Huyện Lộc Hà	2NT		6,6
1474	15,04538	Lê Minh	Tiến	Nam	24/10/1988	C510205	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		6,6
1475	15,03347	Đỗ Minh	Tiến	Nam	07/09/1994	C510205	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	2NT		6,7
1476	15,03756	Võ Văn	Tiến	Nam	04/11/1997	C510201	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2		6,7
1477	15,04154	Nguyễn Nhật	Tiến	Nam	02/05/1997	C480201	Tiền Giang	Huyện Châu thành	2NT		6,7
1478	15,03144	Nguyễn Viết	Tiến	Nam	03/12/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		6,8
1479	15,04252	Trần Duy	Tiến	Nam	07/07/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Thành phố Vũng Tàu	2		6,8
1480	15,04304	Hồ Minh	Tiến	Nam	08/03/1997	C510301	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		6,9
1481	15,04524	Nguyễn Hoàng	Tiến	Nam	28/06/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,0
1482	15,0449	Phạm Văn	Tiến	Nam	02/03/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Định Quán	1		7,0
1483	15,03354	Dương Phước	Tiến	Nam	01/02/1997	C510201	Đồng Tháp	Thành phố Sa Đéc	2	1	7,3
1484	15,04614	Tạ Văn	Tiến	Nam	22/02/1997	C510301	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		7,3
1485	15,04235	Trần Minh	Tiến	Nam	16/10/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,4
1486	15,0403	Lê Đăng	Tiến	Nam	17/07/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,5
1487	15,04577	Huỳnh Nhật	Tiến	Nam	26/02/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,9
1488	15,02892	Đỗ Thành	Tiến	Nam	23/12/1997	C510205	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	1		7,1
1489	15,03489	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	12/10/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú			5,6
1490	15,03505	Phan Thế	Tín	Nam	22/05/1993	C480201	Lâm Đồng	Huyện Di Linh			5,9
1491	15,04011	Trần Thiên Thương	Tín	Nam	27/06/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		5,9
1492	15,02658	Nguyễn Thanh	Tín	Nam	08/08/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,1
1493	15,04588	Đặng Trung	Tín	Nam	10/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh			6,2
1494	15,03355	Nguyễn Hữu	Tín	Nam	27/06/1997	C480201	Đắk Nông	Huyện Đắk RLấp	1		6,4
1495	15,03732	Trần Minh	Tín	Nam	06/08/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,4
1496	15,03852	Ngô Minh	Tín	Nam	29/05/1996	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,4
1497	15,04511	Võ Trung	Tín	Nam	06/06/1997	C480201	Bình Định	Thị xã An Nhơn			6,6
1498	15,02585	Mai Trung	Tín	Nam	14/06/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	1		6,9
1499	15,03333	Thạch Trí	Tín	Nam	04/04/1995	C510301	Bình Dương	Thị xã Thuận An	3		6,9
1500	15,02651	Nguyễn Trung	Tín	Nam	01/09/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		7,0
1501	15,03234	Nguyễn Chí	Tín	Nam	17/01/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,7
1502	15,02741	Phạm Công	Tính	Nam	11/12/1997	C510201	Long An	Thành phố Tân An			5,7
1503	15,0454	Tạ Công	Tính	Nam	02/01/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	3		6,9
1504	15,03827	Ninh Ngọc	Tính	Nam	11/02/1997	C510201	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1		7,2
1505	15,04424	Đặng Xuân	Tính	Nam	05/01/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	1		7,2

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1506	15,03909	Trương Thị	Tĩnh	Nữ	10/08/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Đức Linh			6,5
1507	15,03195	Phạm Văn	Tĩnh	Nam	12/02/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2	1	6,4
1508	15,03312	Đặng Văn	Tĩnh	Nam	01/01/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,9
1509	15,01532	Nguyễn Hồng	Tơ	Nam	10/12/1997	C510205	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,4
1510	15,03654	Lương Trung	Toán	Nam	01/01/1996	C510201	Long An	Huyện Tân Thạnh	2NT		6,9
1511	15,04184	Phan Ngọc	Toán	Nam	02/10/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	3		7,3
1512	15,02725	Nguyễn Thế	Toàn	Nam	03/05/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,7
1513	15,02059	Trịnh Minh	Toàn	Nam	20/11/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		5,8
1514	15,03592	Hồ Văn	Toàn	Nam	03/01/1996	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 7	3		6,1
1515	15,04598	Lưu Văn	Toàn	Nam	19/07/1995	C510301	Lâm Đồng	Huyện Lâm Hà	1		6,2
1516	15,03063	Võ Hữu	Toàn	Nam	20/01/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	2NT		6,3
1517	15,03729	Trần Ngọc	Toàn	Nam	26/09/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	1		6,3
1518	15,04525	Trình Thanh	Toàn	Nam	15/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,4
1519	15,04387	Ngô Khánh	Toàn	Nam	15/07/1997	C510301	Hà Nội	Huyện Mê Linh	3		6,5
1520	15,04086	Kiều Anh	Toàn	Nam	12/08/1993	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	2		6,6
1521	15,03443	Mai Đức	Toàn	Nam	13/08/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	2NT		6,7
1522	15,04181	Lê Võ An	Toàn	Nam	22/06/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		6,7
1523	15,03285	Trần Minh	Toàn	Nam	22/02/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		6,8
1524	15,02967	Cao Lương Mạnh	Toàn	Nam	06/07/1997	C480201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,9
1525	15,03302	Cao Lương Mạnh	Toàn	Nam	06/07/1997	C480201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,9
1526	15,02637	Nguyễn Bảo	Toàn	Nam	06/08/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Định Quán	3		7,0
1527	15,04541	Nguyễn Chí	Toàn	Nam	12/05/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,1
1528	15,0256	Đặng Thanh	Toàn	Nam	18/10/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			7,2
1529	15,0442	Nguyễn Minh	Toàn	Nam	26/01/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		7,2
1530	15,03113	Lê Tấn	Toàn	Nam	08/01/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		7,5
1531	15,03303	Trương Quốc	Toán	Nam	12/10/1995	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước	1		5,5
1532	15,03748	Nguyễn Minh	Toán	Nam	20/08/1996	C510205	Đắk Nông	Huyện Cư Jút	1		6,0
1533	15,02924	Nguyễn Anh	Toán	Nam	14/11/1997	C510301	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải			6,4
1534	15,03344	Trần Phước	Toán	Nam	31/08/1996	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,6
1535	15,02906	Trương Văn	Tới	Nam	19/01/1997	C510301	Vĩnh Long	Huyện Tam Bình	2NT		7,9
1536	15,03219	Trần Anh	Trà	Nam	20/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		5,5
1537	15,03723	Trần Thanh	Trà	Nam	10/10/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,3
1538	15,02541	Phạm Ngọc	Trai	Nam	20/06/1997	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,0
1539	15,03771	Nguyễn Văn	Trai	Nam	12/07/1995	C510201	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		6,4
1540	15,03649	Lê Thanh	Trái	Nam	12/01/1997	C510206	Trà Vinh	Huyện Càng Long	2		6,3
1541	15,04158	Phan Thị Ngọc	Trâm	Nữ	26/04/1994	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		6,2
1542	15,03018	Phạm Lê Ngọc	Trâm	Nữ	09/10/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		6,5
1543	15,046	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	02/01/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tuy Phước			6,6
1544	15,04493	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	26/08/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,8
1545	15,02613	Lâm Hồ Huyền	Trân	Nữ	14/12/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		6,7
1546	15,0257	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	02/01/1995	C540204	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,9
1547	15,04172	Lê Thị Ngọc	Trang	Nữ	19/03/1995	C540204	Bình Định	Huyện Phù Cát	1		5,7
1548	15,03085	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	10/11/1997	C540204	Đắk Lắk	Huyện Ea Kar	1		6,1
1549	15,03913	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/03/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tây Sơn	2NT		6,2
1550	15,03917	Lê Tuyết Minh	Trang	Nữ	17/09/1996	C510301	Đồng Tháp	Huyện Châu Thành	2		6,2
1551	15,04168	Hồ Thị Bảo	Trang	Nữ	27/12/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	1		6,8
1552	15,02918	Trà Thị Thu	Trang	Nữ	22/09/1997	C540204	Long An	Huyện Cần Giuộc	1		6,9
1553	15,03956	Lâm Thanh	Trang	Nữ	23/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		7,0
1554	15,0347	Phạm Thùy	Trang	Nữ	23/03/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,1
1555	15,03159	Lê Đình	Trang	Nam	25/01/1996	C510206	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi			6,0
1556	15,03617	Nguyễn Ngọc	Trí	Nam	11/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		5,7
1557	15,0333	Lê Minh	Trí	Nam	25/10/1996	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,2
1558	15,02584	Đoàn Thanh	Trí	Nam	08/10/1996	C510205	Đắk Nông	Huyện Đắk Song	1		6,3
1559	15,03166	Trần Văn	Trí	Nam	06/07/1997	C480201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,3

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1560	15,03397	Đỗ Cao	Trí	Nam	12/11/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Nhơn Trạch	2NT		6,3
1561	15,02879	Trần Minh	Trí	Nam	21/05/1997	C510205	Bình Định	Huyện Tuy Phước			6,4
1562	15,03311	Trần Minh	Trí	Nam	10/08/1993	C510206	Bình Thuận	Huyện Hàm Tân	1	1	6,5
1563	15,02712	Phan Hữu	Trí	Nam	26/10/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,6
1564	15,0439	Phạm Đức	Trí	Nam	11/06/1997	C510301	Lâm Đồng	Thành phố Bảo Lộc	1		6,6
1565	15,03332	Đặng Minh	Trí	Nam	10/06/1997	C510201	Đồng Tháp	Huyện Châu Thành	1		6,8
1566	15,03385	Võ Hoà	Trí	Nam	04/10/1997	C510206	Đồng Tháp	Huyện Tháp Mười	2NT		6,8
1567	15,04586	Nguyễn Minh	Trí	Nam	07/03/1997	C510301	An Giang	Huyện Phú Tân	2NT		6,8
1568	15,02867	Nguyễn Thanh	Trí	Nam	11/11/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,9
1569	15,01534	Đặng Hoàng	Trí	Nam	02/09/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,0
1570	15,02598	Nguyễn Minh	Trí	Nam	12/02/1997	C510201	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		7,1
1571	15,03591	Đặng Minh	Trí	Nam	20/05/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2		7,2
1572	15,02945	Đỗ Nguyễn Hữu	Trí	Nam	20/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		7,3
1573	15,02574	Dương Thị Thanh	Triều	Nữ	30/04/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		7,2
1574	15,04491	Nguyễn Quốc	Triều	Nam	10/02/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,0
1575	15,03266	Lê Văn	Triều	Nam	16/12/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	1		6,2
1576	15,03952	Dương Thanh	Triều	Nam	22/08/1997	C510205	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	1		6,2
1577	15,02655	Huỳnh Minh	Triều	Nam	20/09/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2		6,3
1578	15,04082	Phạm Thanh	Triều	Nam	21/01/1997	C510201	Long An	Huyện Thủ Thừa	2NT		7,1
1579	15,04332	Trần Minh	Triệu	Nam	27/01/1996	C510201	Bình Phước	Huyện Lộc Ninh	1		6,1
1580	15,03535	Nguyễn Tiến	Triệu	Nam	29/05/1997	C480201	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	2NT		7,0
1581	15,03049	Nguyễn Tổ	Trình	Nữ	23/09/1997	C540204	Gia Lai	Thị xã An Khê	1		6,2
1582	15,03954	Đinh Thị	Trình	Nữ	25/12/1997	C480201	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,2
1583	15,04446	Dương Thị Diễm	Trình	Nữ	27/01/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	1		6,7
1584	15,03482	Lâm Huỳnh Huế	Trình	Nữ	13/02/1997	C540204	Đồng Tháp	Huyện Châu Thành			6,9
1585	15,04483	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	Nữ	08/02/1997	C540204	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	2		7,3
1586	15,02615	Trần Trường	Trình	Nam	09/09/1997	C510205	Gia Lai	Huyện KBang	1		5,9
1587	15,03296	Nguyễn Công Cao	Trình	Nam	01/01/1997	C510205	Gia Lai	Thị xã An Khê	1		6,2
1588	15,037	Hồ Văn	Trình	Nam	18/07/1992	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Long Điền	2NT		6,8
1589	15,00662	Nguyễn Thành	Trình	Nam	10/08/1995	C510201	Ninh Thuận	Huyện Ninh Phước			7,5
1590	15,02723	Trương Lê Quốc	Trọng	Nam	21/01/1994	C510301	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		5,7
1591	15,02716	Nguyễn Hữu	Trọng	Nam	20/08/1997	C510201	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		6,4
1592	15,02998	Huỳnh Đức	Trọng	Nam	09/03/1997	C510206	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	2NT		6,4
1593	15,03718	Nguyễn Thành	Trọng	Nam	10/05/1997	C510301	Long An	Huyện Bến Lức	2NT		6,5
1594	15,03915	Lữ Ngọc	Trọng	Nam	08/01/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,5
1595	15,02643	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	24/10/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,6
1596	15,03346	Võ Minh	Trọng	Nam	08/10/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,6
1597	15,03031	Phạm Quốc	Trọng	Nam	27/11/1997	C510201	Long An	Huyện Cần Đước	2NT		6,9
1598	15,03553	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	16/10/1997	C510205	Bình Định	Huyện Phù Cát	2NT		7,0
1599	15,03562	Nguyễn Minh	Trọng	Nam	11/07/1997	C510301	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh	2		7,0
1600	15,04362	Đặng Văn	Trọng	Nam	15/11/1996	C510301	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phú Lộc	1		7,1
1601	15,02682	Trần Phước	Trọng	Nam	03/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú			7,2
1602	15,04468	Nguyễn Thanh	Trúc	Nam	14/05/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Gò Công Đông	2NT		6,0
1603	15,03991	Trần Thiên	Trúc	Nam	15/09/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi			6,4
1604	15,02549	Nông Thành	Trung	Nam	07/10/1996	C510205	Lâm Đồng	Huyện Cát Tiên	3	2	5,5
1605	15,02698	Nguyễn Duy	Trung	Nam	11/02/1992	C540204	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		5,5
1606	15,03095	Lê Thành	Trung	Nam	16/06/1995	C510205	Lâm Đồng	Thành phố Đà Lạt	3		5,8
1607	15,01945	Đái Thành	Trung	Nam	02/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		5,9
1608	15,03608	Trần Phùng	Trung	Nam	31/08/1997	C510301	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn			6,1
1609	15,04208	Phạm Thành	Trung	Nam	06/06/1997	C510205	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	2	2	6,2
1610	15,00928	Phan Thanh	Trung	Nam	23/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,4
1611	15,02902	Lê Quốc	Trung	Nam	26/10/1997	C510301	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		6,5
1612	15,03227	Đỗ Hữu	Trung	Nam	12/12/1997	C510205	Bình Phước	Thị xã Bình Long			6,5
1613	15,03806	Phạm Bá	Trung	Nam	21/08/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	3		6,5

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1614	15,03866	Nguyễn Thành	Trung	Nam	26/08/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,5
1615	15,04333	Nguyễn Minh	Trung	Nam	29/07/1996	C510201	Tây Ninh	Huyện Bến Cầu	2NT		6,5
1616	15,045	Võ Thanh	Trung	Nam	22/11/1996	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	1		6,5
1617	15,02733	Phan Tại Thanh	Trung	Nam	06/07/1997	C510205	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	1		6,6
1618	15,04063	Phạm Thành	Trung	Nam	10/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,6
1619	15,02064	Lê Hoài	Trung	Nam	16/07/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	3		6,7
1620	15,03776	Nguyễn Tấn	Trung	Nam	12/08/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,7
1621	15,02786	Trần Đình	Trung	Nam	27/04/1997	C480201	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập			6,8
1622	15,02548	Nguyễn Hoàng	Trung	Nam	22/11/1997	C510206	Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2NT		6,9
1623	15,04429	Nguyễn Thiên	Trung	Nam	27/01/1996	C510201	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,9
1624	15,0265	Nguyễn Như Minh	Trung	Nam	16/06/1997	C510201	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		7,0
1625	15,03717	Bùi Văn	Trung	Nam	01/08/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	2NT		7,0
1626	15,04364	Đào Ngọc Thanh	Trung	Nam	14/03/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		7,3
1627	15,03861	Võ Thanh	Trung	Nam	28/09/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Đồng Phú	1		7,4
1628	15,02907	Huỳnh Lê	Trung	Nam	06/02/1997	C480201	Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2NT		7,6
1629	15,04421	Trần Quang	Trung	Nam	19/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3	6	8,0
1630	15,04583	Đỗ Ngọc	Trương	Nam	20/11/1997	C480201	Phú Yên	Thành phố Tuy Hòa	1		6,1
1631	15,03793	Nguyễn Văn	Trường	Nam	22/02/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		5,8
1632	15,03032	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	02/07/1996	C510206	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,1
1633	15,03484	Nguyễn Quang	Trường	Nam	23/07/1997	C510301	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	1		6,2
1634	15,02728	Mai Xuân	Trường	Nam	22/09/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom			6,5
1635	15,02841	Ngô Việt	Trường	Nam	24/10/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	2		6,5
1636	15,03457	Hà Thanh	Trường	Nam	01/03/1997	C510201	Gia Lai	Huyện Đak Đoa	1		6,5
1637	15,04159	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	26/02/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	3		6,6
1638	15,04559	Nguyễn Xuân	Trường	Nam	12/02/1997	C510201	Đồng Tháp	Huyện Lấp Vò	2NT		7,0
1639	15,03241	Nguyễn Hữu	Trường	Nam	20/08/1995	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,2
1640	15,03547	Nguyễn Nhật	Trường	Nam	24/01/1997	C510201	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	2NT		7,2
1641	15,04366	Châu Lê Nhật	Trường	Nam	18/06/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	2NT		7,3
1642	15,03746	Đặng Nguyễn Khoa	Trường	Nam	02/11/1997	C510205	Phú Yên	Huyện Tây Hòa	2NT		7,4
1643	15,03518	Phạm Trọng	Trường	Nam	08/01/1997	C510201	Nghệ An	Huyện Hưng Nguyên	2NT		7,5
1644	15,03789	Ung Thế	Trường	Nam	23/01/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		5,9
1645	15,03225	Đồng Quốc	Trường	Nam	17/06/1997	C510301	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,3
1646	15,02884	Lê Thị Cẩm	Tú	Nữ	26/08/1997	C540204	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		6,6
1647	15,018	Vũ Minh	Tú	Nam	11/08/1996	C510201	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp			5,6
1648	15,02824	Lê Viết	Tú	Nam	01/06/1997	C510205	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	1		6,2
1649	15,02556	Nguyễn Hồng	Tú	Nam	06/08/1997	C510205	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng			6,3
1650	15,03084	Lê Tấn Thanh	Tú	Nam	26/12/1996	C510301	Đồng Nai	Huyện Long Thành	2NT		6,6
1651	15,03653	Đào Ngọc	Tú	Nam	19/09/1997	C510201	Tây Ninh	Huyện Tân Châu	1		6,6
1652	15,02579	Ngô Anh	Tú	Nam	06/05/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,8
1653	15,03088	Lê Đình Anh	Tú	Nam	23/12/1997	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		7,2
1654	15,04145	Nguyễn Trần Tuấn	Tú	Nam	23/07/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,6
1655	15,04454	Nguyễn Đình	Tứ	Nam	16/06/1997	C510201	Bình Định	Huyện Phù Mỹ	2NT		5,7
1656	15,0399	Lương Văn	Tứ	Nam	25/12/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		7,5
1657	15,0305	Ninh Minh	Tuân	Nam	17/02/1996	C510206	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,3
1658	15,03272	Phan Quang	Tuân	Nam	14/04/1997	C510301	Bình Phước	Thị xã Bình Long	1		6,6
1659	15,03503	Trần Văn	Tuân	Nam	26/04/1997	C510301	Bình Định	Huyện Phù Cát	1	1	6,7
1660	15,02546	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	03/11/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		5,8
1661	15,04564	Đỗ Quốc	Tuấn	Nam	16/11/1996	C480201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	1		5,8
1662	15,03639	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	30/01/1997	C510206	Bình Định	Thị xã An Nhơn	2		5,9
1663	15,04522	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	28/09/1997	C510206	Khánh Hoà	Huyện Cam Lâm	2		6,0
1664	15,02659	Hồ Văn	Tuấn	Nam	15/01/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,1
1665	15,03102	Lê Phước Minh	Tuấn	Nam	06/01/1996	C510205	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	1		6,1
1666	15,04178	Phạm Quốc	Tuấn	Nam	12/09/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,1
1667	15,03434	Thạch Phi	Tuấn	Nam	10/12/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	1		6,2

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1668	15,04294	Nguyễn Trung	Tuấn	Nam	11/09/1997	C510201	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	1		6,2
1669	15,02801	Nguyễn Văn	Tuấn	Nam	19/04/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,3
1670	15,03864	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	19/11/1997	C510201	Hà Tĩnh	Huyện Hương Sơn	1		6,3
1671	15,03324	Võ Đặng Hoài	Tuấn	Nam	20/08/1995	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 9	3		6,4
1672	15,02589	Trần Quốc	Tuấn	Nam	22/02/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	2NT		6,5
1673	15,03081	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/07/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Tân Phú	2NT		6,5
1674	15,0317	Đặng Thanh	Tuấn	Nam	16/09/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	1		6,5
1675	15,04096	Đặng Quốc	Tuấn	Nam	11/03/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,5
1676	15,03362	Ninh Quốc Anh	Tuấn	Nam	02/09/1997	C510301	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		6,6
1677	15,03115	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	20/03/1997	C480201	Đồng Nai	Huyện Thống Nhất	1		6,7
1678	15,04385	Đoàn Thanh	Tuấn	Nam	31/03/1997	C510201	An Giang	Huyện Thoại Sơn	1		6,7
1679	15,02681	Nguyễn Thế	Tuấn	Nam	10/10/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Tân Phú			6,8
1680	15,03106	Phạm Quang	Tuấn	Nam	28/10/1997	C510205	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		6,8
1681	15,03107	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	21/09/1995	C480201	Tây Ninh	Huyện Châu Thành			6,8
1682	15,03872	Phạm Nhã	Tuấn	Nam	17/10/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	3		6,8
1683	15,04002	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	Nam	18/09/1997	C510301	Bình Phước	Huyện Chơn Thành	1		6,8
1684	15,02826	Bùi Anh	Tuấn	Nam	16/08/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	3		6,9
1685	15,0412	Trần Minh	Tuấn	Nam	19/11/1995	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	3		6,9
1686	15,04236	Nguyễn Nghi	Tuấn	Nam	23/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 8	3		6,9
1687	15,02788	Lý Trường	Tuấn	Nam	22/01/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân			7,1
1688	15,03925	Trần Minh	Tuấn	Nam	04/01/1996	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	3		7,1
1689	15,04604	Đỗ Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	25/09/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	3		7,1
1690	15,03891	Trần Đức Anh	Tuấn	Nam	02/06/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 6	3		7,2
1691	15,04317	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/07/1997	C510201	Đắk Nông	Huyện Đắk Mil	1		7,2
1692	15,04183	Nguyễn Minh	Tuấn	Nam	09/07/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		7,3
1693	15,04365	Hoàng Lê	Tuấn	Nam	26/03/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp			7,6
1694	15,03673	Đặng Văn	Tuấn	Nam	14/10/1997	C510301	Đồng Tháp	Huyện Châu Thành	2		8,1
1695	15,0289	Võ Văn	Tuệ	Nam	02/11/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Trà Bồng	1		6,1
1696	15,03111	Trần Ngọc	Tùng	Nam	21/06/1996	C480201	Thừa Thiên -Huế	Huyện Phong Điền	2NT		5,8
1697	15,04026	Nguyễn Đình	Tùng	Nam	28/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	3		6,2
1698	15,04474	Lê Văn	Tùng	Nam	20/03/1997	C480201	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	3		6,6
1699	15,03293	Mã Thanh	Tùng	Nam	04/05/1997	C510205	An Giang	Thành phố Long Xuyên	2		6,7
1700	15,03513	Đoàn Thanh	Tùng	Nam	18/03/1997	C510201	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2		6,7
1701	15,04135	Hà Văn	Tùng	Nam	21/05/1996	C510206	Hà Nội	Huyện Mê Linh			6,7
1702	15,04008	Hà Nhật	Tùng	Nam	12/08/1997	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,7
1703	15,02554	Thái Hoàng	Tùng	Nam	10/10/1997	C510301	Hà Tĩnh	Huyện Hương Sơn			6,8
1704	15,0418	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	09/09/1997	C510205	Quảng Bình	Huyện Quảng Ninh	2NT		6,8
1705	15,04307	Lâm Thanh	Tùng	Nam	05/12/1997	C510206	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	1		6,9
1706	15,04258	Lê Thanh	Tùng	Nam	22/10/1997	C510301	Quảng Nam	Huyện Đại Lộc	2NT		7,1
1707	15,04162	Phạm Thanh	Tùng	Nam	02/12/1997	C510201	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		7,4
1708	15,02857	Phạm Phước	Tường	Nam	28/05/1997	C510301	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,0
1709	15,02543	Sỹ Trùng	Tường	Nam	18/05/1997	C510205	Lâm Đồng	Huyện Di Linh	1	1	6,2
1710	15,02948	Trần Phú Dương	Tường	Nam	16/07/1996	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,2
1711	15,04367	Vũ Mạnh	Tường	Nam	25/06/1997	C510201	Nam Định	Huyện Xuân Trường	2NT		6,2
1712	15,04214	Nguyễn Huỳnh Cao	Tường	Nam	09/05/1997	C480201	Đồng Tháp	Huyện Hồng Ngự	2NT		6,7
1713	15,02665	Phạm Hoài	Tường	Nam	15/09/1997	C510301	Phú Yên	Huyện Tây Hòa			6,8
1714	15,03478	Hà Phúc	Tựu	Nam	18/11/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		7,5
1715	15,04175	Trần Quốc	Tuyên	Nam	21/03/1997	C510206	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		5,8
1716	15,03557	Nguyễn Bách	Tuyên	Nam	16/07/1997	C510301	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	1		6,8
1717	15,03487	Thái Quang	Tuyển	Nam	31/10/1997	C510201	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		7,2
1718	15,04137	Vũ Lâm	Tuyển	Nữ	08/01/1997	C480201	Quảng Nam	Huyện Núi Thành	1		7,4
1719	15,03259	Trương Đình	Uy	Nam	10/06/1996	C510205	An Giang	Huyện Châu Phú	2NT		6,8
1720	15,04321	Vũ Mã Hoàng	Uy	Nam	25/11/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT		7,3
1721	15,0356	Giang Thị Mỹ	Vân	Nữ	01/12/1997	C540204	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	1		5,7

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên		Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1722	15,02677	Lưu Thị Bích	Vân	Nữ	23/01/1997	C540204	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	2NT		6,9
1723	15,02789	Nguyễn Sĩ	Văn	Nam	13/07/1997	C510201	Tây Ninh	Thành phố Tây Ninh			6,2
1724	15,04028	Phan Đình	Văn	Nam	02/08/1997	C510206	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,2
1725	15,03221	Trần Phương	Văn	Nam	20/10/1997	C540204	Tiền Giang	Huyện Gò Công Tây	2NT		6,7
1726	15,04459	Hàng Thịnh	Vĩ	Nam	13/09/1996	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 5	3		6,4
1727	15,04	Trương Hoàng	Vĩ	Nam	20/11/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Ân	2NT		6,7
1728	15,03739	Nguyễn Hoàng	Vĩ	Nam	23/08/1997	C480201	Gia Lai	Huyện Đak Đoa	1		7,1
1729	15,03981	Trần Ngọc	Viễn	Nam	08/12/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		6,3
1730	15,02534	Đặng Văn	Viết	Nam	02/05/1997	C510205	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,7
1731	15,04443	Vũ Hoàng	Việt	Nam	05/10/1997	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		5,7
1732	15,0341	Dương Hoàng	Việt	Nam	04/09/1997	C510201	Quảng Bình	Huyện Bố Trạch	2NT		5,9
1733	15,02686	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	10/07/1997	C510301	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		6,0
1734	15,04389	Hồ Hoàng	Việt	Nam	02/03/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	3		6,0
1735	15,03893	Nguyễn Cao	Việt	Nam	12/11/1995	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 12	3		6,3
1736	15,03308	Trần Quốc	Việt	Nam	10/01/1997	C510205	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		6,5
1737	15,0436	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	01/02/1997	C510201	Lâm Đồng	Huyện Đạ Tẻh	1		6,5
1738	15,04649	Lê Hoàng	Việt	Nam	06/11/1997	C510301	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	2NT		7,2
1739	15,03815	Trần Quốc	Việt	Nam	01/07/1997	C510201	Bình Dương	Thị xã Bến Cát	2NT		7,4
1740	15,01498	Châu Thế	Vinh	Nam	08/05/1997	C510205	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	1		5,7
1741	15,03491	Nguyễn	Vinh	Nam	01/04/1997	C510301	Quảng Ngãi	Thành phố Quảng Ngãi	2NT		5,6
1742	15,0371	Phạm Trần Quang	Vinh	Nam	12/03/1996	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đạ Huoai	1		5,6
1743	15,04414	Trần Ngọc	Vinh	Nam	08/07/1997	C510301	Phú Yên	Huyện Sông Hinh	1	1	5,6
1744	15,03196	Mai Lê Công	Vinh	Nam	28/12/1996	C510205	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	1	1	5,7
1745	15,04578	Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	26/11/1997	C480201	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	1		5,8
1746	15,04143	Lê Phạm Thành	Vinh	Nam	14/01/1997	C480201	Gia Lai	Huyện Krông Pa	1		5,9
1747	15,02963	Nguyễn Tấn	Vinh	Nam	30/12/1997	C510205	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	2NT		6,1
1748	15,03596	Nguyễn Hồng	Vinh	Nam	18/11/1997	C510201	Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột	1		6,2
1749	15,03863	Phạm Hà Hiệp	Vinh	Nam	19/08/1997	C510201	Bến Tre	Huyện Chợ Lách	2NT		6,4
1750	15,02737	Nguyễn Thanh	Vinh	Nam	19/09/1996	C510205	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	2NT		6,6
1751	15,03051	Phan Quốc	Vinh	Nam	01/10/1995	C480201	Bến Tre	Huyện Thạnh Phú	1		6,7
1752	15,04042	Lê Quang	Vinh	Nam	10/07/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Bình Tân	3		6,9
1753	15,03342	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	31/01/1997	C510205	Đồng Nai	Huyện Định Quán	3		7,3
1754	15,04375	Nguyễn Quang	Vinh	Nam	02/10/1997	C510301	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		7,5
1755	15,04292	Nguyễn Hữu	Vinh	Nam	22/02/1997	C510201	Long An	Huyện Đức Hoà	2NT		7,9
1756	15,03476	Nguyễn Xuân	Vinh	Nam	02/11/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	1		6,3
1757	15,02565	Huỳnh Phong	Võ	Nam	25/11/1997	C510205	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc			6,7
1758	15,03581	Nguyễn Đình	Vũ	Nam	26/03/1996	C510201	Bình Thuận	Huyện Tánh Linh	1		5,6
1759	15,03953	Ngô Công	Vũ	Nam	20/05/1997	C510201	Gia Lai	Huyện Chư Pưh	1		5,6
1760	15,02777	Nguyễn Hữu	Vũ	Nam	01/11/1997	C480201	Hà Tĩnh	Huyện Can Lộc	3		5,8
1761	15,03976	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	20/01/1997	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 11	2		5,9
1762	15,04627	Nguyễn Thanh Triệu	Vũ	Nam	31/10/1996	C480201	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		5,9
1763	15,03098	Nguyễn Anh	Vũ	Nam	14/03/1995	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	2		6,0
1764	15,01424	Phạm Hoài	Vũ	Nam	09/07/1996	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		6,1
1765	15,03242	Nguyễn Tấn	Vũ	Nam	10/01/1996	C540204	Bình Định	Huyện Tây Sơn	1		6,3
1766	15,03691	Đỗ Minh	Vũ	Nam	10/09/1996	C510301	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	2NT		6,3
1767	15,03867	Lê Hồ Hoàng	Vũ	Nam	16/04/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận 10	3		6,3
1768	15,03921	Bùi Ngọc	Vũ	Nam	14/07/1997	C510301	Quảng Nam	Huyện Núi Thành	1		6,4
1769	15,03919	Bùi Ngọc	Vũ	Nam	14/07/1997	C510301	Quảng Nam	Huyện Núi Thành	1		6,4
1770	15,03038	Huỳnh Thế	Vũ	Nam	21/08/1997	C480201	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa	2NT		6,6
1771	15,03417	Lưu Quang	Vũ	Nam	04/09/1997	C510201	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		6,6
1772	15,02949	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	16/04/1996	C510301	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	2NT		6,7
1773	15,0271	Nguyễn Long Thanh	Vũ	Nam	06/02/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa	2NT		6,9
1774	15,03187	Nguyễn Long Thanh	Vũ	Nam	06/02/1997	C510201	Phú Yên	Huyện Đồng Hòa	2NT		6,9
1775	15,04319	Trần Tuấn	Vũ	Nam	07/11/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT		6,9

STT	Mã hồ sơ	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Ngành học	Tỉnh	Huyện	Khu vực	Đối tượng	ĐTB CN
1776	15,04318	Trần Tuấn Vũ	Nam	07/11/1997	C510201	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Tân Thành	2NT		6,9
1777	15,03962	Bùi Ngọc Quốc Vũ	Nam	23/01/1997	C480201	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	2NT		7,0
1778	15,03655	Nguyễn Tấn Vũ	Nam	08/01/1995	C510301	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,3
1779	15,04245	Nguyễn Văn Hoàng Vũ	Nam	03/12/1997	C480201	Đắk Lắk	Huyện Cư Mgar	3		7,3
1780	15,04363	Phan Văn Vũ	Nam	07/04/1997	C510201	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	2		7,6
1781	15,04285	Huỳnh Vũ	Nam	09/05/1996	C510301	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		7,7
1782	15,04648	Lâm Phi Vũ	Nam	31/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	3		7,7
1783	15,04397	Nguyễn Phước Anh Vũ	Nam	13/10/1997	C480201	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		8,0
1784	15,03845	Phan Thị Bích Vương	Nữ	25/12/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tây Sơn	1		7,2
1785	15,02836	Trần Văn Vương	Nam	26/09/1996	C510205	Nam Định	Huyện Giao Thủy			6,0
1786	15,03987	Mai Hồng Vương	Nam	20/08/1996	C510201	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	2NT		6,4
1787	15,03889	Nguyễn Tuấn Vương	Nam	14/03/1995	C510301	Đắk Lắk	Huyện Cư Mgar	1		6,7
1788	15,02794	Bùi Đình Vương	Nam	29/09/1997	C510201	Thái Bình	Huyện Kiến Xương			7,4
1789	15,03805	Đỗ Quang Vương	Nam	04/03/1997	C510201	Bình Phước	Thị xã Đồng Xoài	1		7,4
1790	15,04554	Dương Thị Vường	Nữ	13/03/1997	C540204	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	2NT		6,5
1791	15,03019	Trần Trọng Vương	Nam	23/09/1996	C510301	Ninh Thuận	Th. phố Phan Rang -Tháp Chàm	1	1	6,0
1792	15,02668	Lê Thị Huyền Vy	Nữ	12/05/1997	C540204	Bình Định	Huyện Tuy Phước	2NT		6,2
1793	15,03803	Trần Thị Thúy Vy	Nữ	06/06/1997	C540204	Long An	Huyện Cần Giuộc	2NT		6,6
1794	15,03759	Dương Triều Vỹ	Nam	25/02/1997	C510206	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		5,8
1795	15,04485	Nguyễn Huy Vỹ	Nam	21/02/1996	C510205	Đắk Lắk	Thị Xã Buôn Hồ	1		6,4
1796	15,03923	Nguyễn Thị Nghi Xuân	Nữ	01/04/1997	C540204	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,1
1797	15,04435	Vũ Trường Xuân	Nam	07/06/1997	C510201	Kiên Giang	Huyện Tân Hiệp	2NT		6,8
1798	15,04425	Thạch Nguyễn Vĩnh Xuân	Nam	07/03/1997	C510205	Tp. Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	2		7,1
1799	15,03983	Nguyễn Văn Xuân	Nam	14/02/1995	C510201	Bình Thuận	Thành phố Phan Thiết	2		7,3
1800	15,03229	Phạm Văn Xuyên	Nam	19/10/1997	C540204	Bình Định	Thành phố Quy Nhơn	2		6,9
1801	15,02877	Hồ Thị Mỹ Ý	Nữ	14/12/1996	C540204	Bình Thuận	Thị xã La Gi	2		6,6
1802	15,03515	Lê Thiên Ý	Nam	14/04/1994	C510206	Tp. Hồ Chí Minh	Quận Tân Bình	3		6,4
1803	15,02539	Huỳnh Ngọc Ý	Nam	16/04/1997	C510301	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	2NT		6,7
1804	15,02928	Huỳnh Ngọc Ý	Nam	16/04/1996	C510301	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	1		6,7
1805	15,03948	Lê Thị Mỹ Yên	Nữ	16/11/1997	C540204	Bình Định	Huyện Hoài Nhơn	2NT		5,9
1806	15,03632	Đinh Thị Hoàng Yến	Nữ	31/10/1997	C480201	Tiền Giang	Thị xã Gò Công	2		6,6

Tổng cộng danh sách có: 1806 thí sinh

HIỆU TRƯỞNG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2015
TRƯỞNG PHÒNG TS - ĐT - GTVL